

TUAN BAO RA NGAY THU BAY

THANH-NH!

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHẢO-CỨU

Chủ nhiệm : VŨ ĐÌNH HÒE

TRONG SỐ NÀY :

- | | |
|--|--------------------|
| — Phải biết tự trách mình | ĐỖ ĐỨC DỤC |
| — Tính cách ngoại lai của Hiến-pháp Trung-hoa : Chính thể đại nghị với Hiến-pháp Trung-hoa | PHAN ANH |
| — Sử liệu : Sử ta so với sử Tàu | Ứng-hòe NG. VĂN TỔ |
| — Điều tra nhỏ : Một sự kiện làm giấy dùng sữa nước ở mạn ngược | TÀO HOÀI |
| — Bạn đọc viết : Giáo dục âm nhạc | VĂN HOA |
| — Danh văn ngoại quốc : Kẻ thù của tư sản (Nguyên văn của Chesterton) | THÁI MẠC dịch |
| — Bi kịch : Lôi vũ (Nguyên văn của Tào Ngụ — tiếp theo) | ĐẶNG THÁI MAI dịch |
| — Trích thuật sách báo | TRỌNG ĐỨC |
| — Đời sống Đông-dương : Việc chuyên chở thóc gạo | VŨ ĐÌNH HÒE |
| — Việc quốc tế | Đ. Đ. D. |

NĂM THỨ TƯ SỐ 81 — NGÀY 2 SEPTEMBRE 1944

TÒA BÁO : 15 PHỐ HÀNG DÀ HANOI — Giấy nói : 19.43 — GIÁO 50

GIÁ BÁO. — BẠC-KỲ. TRUNG-KỲ. NAM-KỲ. CAO-MIÊN. LÃO 3 th. 6\$00. 6 th. 11\$00. 12 th. 20\$00

Việc quốc tế

TỪ 19 ĐẾN 30 AOUT 1944

Mặt trận Á Đông.

Ở Trung Hoa, không quân Nhật tới đánh các trường bay Kiến-ân (Phúc-kiến) Toại-xuyên và Cam-châu (Giang-tây).

Phi cơ Hoa Mỹ đến ném bom xuống Kiukiang (Giang-tây), Thượng-hải, Aushan (Mãn-châu).

Đồng thời 10 sư-đoàn quân Trùng-Khánh tập trung quanh thành Hành-dương mưu phần công.

Trên Thái-bình-dương. — quân Nhật vẫn kháng chiến trên các đảo Tinian, Guam (Marianes).

Hạm đội đồng-minh tới đánh đảo Sabang gần miền Bắc đảo Sumatra nhưng không được thắng lợi.

Phi cơ Mỹ đánh xuống các đảo Kiou-Siou Hondo (Nhật), quần đảo Bonins, đảo Pa au (Caroline), và các đảo Célèbes, Sumatra (Nam-dương quần-đảo).

Mặt trận Nga-Lô

— Ở này xứ Bialles, sau những cuộc phản-công của Đức được thắng lợi, Hồng-quân đã lại bắt đầu tái công. Tại Lethonie, quân Nga đã tới gần kinh thành Riga, và tại Esthonie đã hạ được thành Tartu.

— Khu Bi-lan, và vùng Varsovie Hồng-quân sau một hồi bị phản-công vừa bắt đầu khởi một trận tấn công lớn vào kinh thành Ba-lan với 10 vạn quân. Ở phía Nam, quân Nga đang tiến về phía Cracovie.

— Mặt trận Lô, yên tĩnh hơn hai tháng nay, lại bắt đầu hoạt động cùng với lúc Hồng-quân bị phản công ở mấy nước Baltes. Nga khởi một cuộc tấn công lớn tại khắp nơi, và chiếm được nhiều tỉnh trong số đó có Jassy. Nhưng vài hôm sau Lô hoàng đã nhận điều kiện giảng-hòa của Nga (23 Aout). Một nội-các mới thành lập, một cuộc nội-loạn bùng lên bị dẹp ngay. Tuy-nhiên quân Đức vẫn tiếp-tục kháng chiến trên đất Lô. Ở phía Đông Nam Hồng-quân đang một mặt tiến về phía Galatz và cửa sông Danube, một mặt đánh xuống Plousti và Bucarest. Trên phía Bắc, giữa khoản sông Pruth và sông Sereth, quân Đức rút lui về dãy núi Karpathes.

Mặt trận Pháp

— Tại Bắc-Pháp, từ Normandie đến sông Loire, quân Anh Mỹ đánh ào-ạt lên khắp nơi dọc sông Seine — Trên bờ biển từ Cabourg, quân Anh đánh về phía cửa sông Seine đã vượt quá Honfleur ở cửa sông đối diện với hải-cảng Le Havre — Quá phía dưới quân Anh và quân Mỹ hợp với nhau giữa khoảng Falaise và Argentan, vượt qua sông Touques sau khi chiếm Lisieux, Bernay, Ebeuf, đã tiến tới gần Rouen — Từ Dreux đánh lên gần Tây-Bắc Paris, quân Mỹ qua Mantes, Vernon, vượt qua sông Seine và một mặt đánh quật lên phía Rouen, một mặt đánh vòng lên phía Bắc Paris — Từ Chartres quân Mỹ qua Rambouillet, Versailles đánh thẳng tới Paris, và bắt đầu lọt vào kinh-thành khoảng 22-23 Aout. Hiện nay có những tin tức trái ngược về tình thế kinh thành, có lẽ một số ít quân Đức vẫn còn kháng chiến — Cũng từ Chartres một đạo quân Mỹ khác đánh về phía Đông-Nam Paris, qua Etampes, Fontainebleau, Melun, vượt qua sông Seine và vòng lên sông Marne, đánh tới Meaux ở Đông Bắc Paris. — Quá dưới, từ vùng Le Mans quân Mỹ đánh sang thành Orléans trên sông Loire, qua Montargis, Sens và tới hạ thành Troyes ở thượng-lưu sông Seine trong vùng Champagne.

Ở vùng Bretagne quân Đồng-Minh vẫn đang bao vây quân cảng Brest.

— Tại Nam-Pháp — Trên bờ Địa-trung-Hải, quân Đồng-minh vẫn mở rộng mặt trận và đã hạ Toulon và Marseille. Trong khi đang đánh vào những hải cảng đó, quân Mỹ tiến lên phía Bắc chiếm Aix, Arles, Avignon, vượt qua núi Alpes tới Grenoble, vào đồng bằng sông Rhône và hích như đã tới nam ngọn hồ Genève. Đánh sang phía Đông, quân Đồng-minh từ Cannes qua Nice, tiến về miền giới Ý. Lại có tin từ cửa sông Rhône xuống tới dãy núi Pyrénées hình như quân Đức đã rút lui khỏi các tỉnh Carcassonne, Montpellier, Nîmes nghĩa là hấp vùng Languedoc.

— Trên bờ vịnh Gascoigne ở tại tây-dương, sau khi cho hạm đội bắn phá Bayonne, quân Đồng-minh đã đổ bộ xuống Saint Jean de Luz ở biển-thuyền Tây-Bau-Nha, và quá phía trên xuống Arcachon ở gần Bordeaux về phía

(Xem tiếp trang 27)

Phải biết tự trách mình

BỔ DỨC DỤC

Có những người nhón lên tự thấy mình thua kém về chỗ nào đó, thường trách bà mẹ xưa đã không săn sóc cái đứa trẻ về trí dục, đức dục, hay thể dục để cho mình đến nỗi phải học, kém đức, hoặc có một xác thịt yếu đuối hay tàn tật. Nhưng trong lúc oán trách người trên như thế họ đã có con cái mà chính họ lại cũng sao nhãng hoặc cầu thả việc dạy dỗ, giáo dục cho các con để rồi về sau tất nhiên chúng lại có thể oán trách họ được như họ bây giờ. Thực là cái vòng luẩn quẩn trong đó người nọ chỉ biết trách người kia mà không bao giờ biết tự trách mình để cố gây cho bản thân hay cho con cái một tình thần hay một thể chất cường tráng ! . . .

* * *

Ta giờ trang lịch sử đến một thời nào đó, ta nhận thấy ông cha ta hoặc đã đi lầm đường, hoặc đã không biết nhìn xa, hoặc đã để nhờ mất một cơ hội tốt có thể làm cho nước thêm giàu và mạnh, thế là ta dài lời than vãn, kêu ca. ta thậm oán trách ông cha, ta tưởng như nếu ở địa vị các người ta sẽ làm thế này thế khác, ta sẽ sáng suốt vô cùng, và đối với ta muốn việc tưởng như dễ dàng, mà sao ông cha đã khờ dại, quáng quào như vậy ? . . . Cái thái độ đó thường là bất công mà cũng lại vô ích.

Bất công là vì thường ta không tự đặt mình cho đúng vào cái hoàn cảnh của ông cha, với những điều kiện vật chất và tinh thần, với những khả năng của đất nước, của dân tộc trong thời đại đó. Có thể ông cha cũng đã nghĩ như ta mà vì không gặp điều kiện thuận tiện nên đành thúc thủ, có thể ông cha đã tận tâm cố gắng mà vì sống ở thời đó thì chỉ làm việc được đến thế là cùng. . . . Ta lại không nghĩ rằng sở dĩ ngày nay ta sống tốt hơn để nhận biết rằng ông cha đã lầm là vì ta đứng ở địa vị khách quan, mà nhất là vì ta đã được sống trong một hoàn cảnh khác, ta đã nhận được một nền giáo dục mới, ta đã ở một trình độ tri thức cao hơn, mà chính đó lại là nhờ ở sự tiến bộ tuần tự của thế hệ đã qua góp sức gây nên. Thành ra ta chẳng khác gì đưa bé kia ngồi trên vai hổ để xem hội mà lại riêu bố không nhìn rõ bằng mình ! . . .

. . . Không những bất công lại còn vô ích là vì cái thái độ tiêu cực kia không mang lại một kết quả thiết thực. Mất thì giờ than vãn, oán trách ông cha, ta thường quên hẳn mình. Sao ta chẳng tự hỏi : — thế còn ta, ta đã làm được việc gì có ích cho nước nhà, cho đời giống ? . . . Ta hãy nên biết tự trách mình trước đã để mà cố gắng, để mà hành động cho phải đường. . . . Nhất là khi ta đã ở một trình độ hiểu biết cao hơn ông cha, thế mà ta cũng lại để rơi mình vào cái lỗi của người trước, thì cái tội của ta to biết chừng nào, cái trách nhiệm của ta chẳng là nặng nề lắm sao ? . . . Cố sao cho việc là n gì thành hay không thành không phải lỗi ở ta đã không tận tâm tận lực, ta đã không suy xét, nghĩ ngợi cho thấu triệt. . . . Ta phải làm thế nào cho những thế hệ mai sau, nghĩa là bọn con cháu ta không thể oán trách ta được nữa, mà họ sẽ rất có lý hơn để oán trách người trước. . . .

* * *

. . . Nói tóm lại ta hãy phá hủy cái vòng luẩn quẩn, kể sau trách người trước, vô cùng vô tận. Luôn luôn phải nhớ rằng chúng ta đang là những nhân vật của một trang lịch sử cho mai sau. . .

B. B. D

CHÍNH THỂ ĐẠI NGHỊ = VỚI HIẾN-PHÁP TRUNG-HOA =

PHAN ANH

Trong bài trước, chúng ta đã nhận thấy một tính cách ngoại lai của hiến pháp Trung Hoa là nguyên tắc quốc dân chủ quyền (souveraineté nationale).

Chủ quyền chính trị là của toàn thể quốc dân, nhưng có phải toàn thể quốc dân có thể tự mình cầm chủ quyền ấy được hay phải cứ người thay mặt? Thường hợp trên gọi là *chính thể trực trị* (gouvernement direct) trường hợp dưới tức là *chính thể đại-nghị* (gouvernement représentatif).

Ngày nay chính thể trực-trị vẫn rất hiếm có ở hoàn cầu. Chỉ còn một vài tổng rất nhỏ ở nước Thụy-Sĩ còn giữ chế độ ấy. Mỗi năm toàn thể nhân dân trong tổng họp lại một nơi quyết định luật lệnh, tuyển cử công chức và có khi hội nghị toàn dân đó lại có quyền thẩm án nữa.

Một nước như Trung-quốc không thể theo chế độ trực-trị được vì nhiều lẽ.

Cũng như số nhiều các nước khác ở hoàn cầu, Trung Quốc là một nước to; dân số rất đông, không có cách gì đem họp toàn thể nhân dân lại một nơi mà thảo luận mọi việc.

Vả chẳng muốn cho chính thể trực trị có thể thi hành được mà không có hại, thì toàn thể nhân dân phải đủ tư cách am hiểu những vấn đề mình quyết định. Lẽ cố nhiên điều kiện ấy không thể có được ở Trung Quốc. Với cuộc nạn sinh cang ngày càng đổi mới càng phức tạp về tất cả các phương diện, thì một dân tộc đã đa số mới có một chút thường thức rất sơ sài về cuộc đời mới ngày nay không

thể nào quyết định được những vấn đề cần phải có chuyên môn có kinh nghiệm mới am hiểu nổi.

Hướng chỉ dân Trung-trái mấy nghìn năm chuyên chế, chưa bao giờ tham dự vào việc công dân, chưa bao giờ nhận rõ trách nhiệm của mình trong đoàn thể. Người dân xưa nay vẫn tự coi mình như một vật sử dụng của nhà cầm quyền, trong cuộc sinh hoạt của đoàn thể họ chỉ đóng vai thụ động, « trảm sự » đều nhờ ở « lượng trên trông xuống ». Cũng có đôi khi sự nhần nại ấy vì bị ức bách quá mà không giữ được nổi, thì họ nhảy từ thái độ *thụ động* sang thái độ *loạn động*, hai thái cực tương phản đều nguy hiểm cho công cuộc tổ chức của đoàn thể. *Thờ ơ* với *ương ngạnh* nó là hai tính chất rất rõ ràng còn lưu truyền lại và nó sẽ là những trở lực lớn cho công cuộc cải cách ngày nay.

Bởi những lẽ ấy, Trung Quốc cố nhiên không thể theo chính thể trực trị được, mà phải theo chính thể đại-nghị, là một chính thể khác hẳn, trong đó quốc dân giao chủ quyền của mình cho những cơ quan sẽ thay mình mà hành động.

Nhưng chính thể đại nghị cũng có nhiều trình độ, nhiều cách tổ chức khác nhau.

Có khi quốc dân tuy đã cử nghị viện chấp hành quyền chính của mình mà vẫn còn giữ lại một phần quyền định đoạt về các vấn đề quan trọng: bằng lối « *phức quyết* » (référéndum), « *sáng chế* » (initiative) « *bãi miễn* » (révocation) và tuyển cử (élection). Chế độ ấy tức là một chế độ dung hòa hai chế độ trực trị và đại nghị.

Quyền sáng chế tức là quyền đề-nghị một ý

đạo luật theo ý kiến ấy. Đại thể, khi một phần (do pháp luật định trước), nhân dân biểu đồng tình ký kết một đề-nghị thì cơ quan lập pháp phải chiều nhận mà thảo luận một ý kiến ấy. Quyền *phức quyết* tức là quyền duyệt ý một đạo luật mà cơ quan lập pháp đã dự thảo và ưng chuẩn: thường thường hệ đạo luật nào quan hệ đặc biệt thì nghị viện phải trưng cầu ý kiến của nhân dân, được duyệt ý, mới đem ban bố. Quyền *tuyên cử* và *bãi miễn* tức là quyền phế, cử, công chức. Hai quyền này trong chính thể hoàn toàn đại nghị thì thuộc về quyền hạn của cơ quan hành chính. Trong chính thể trực trị thì quyền ấy do quốc dân định đoạt bằng cách bầu phiếu.

Cứ đáng lý theo sát nghĩa *đại nghị* thì toàn thể quốc dân bất cứ nam nữ, phú hầu, ai cũng có quyền tuyên cử, nghĩa là kén chọn những người để thay mặt mình, làm cơ quan đại-nghị chấp hành quyền chính. Nhưng thực ra hiện nay còn nhiều nước vẫn chưa theo chính thể đại-nghị triệt để ấy. Quyền tuyên cử còn bị nhiều hạn chế: hoặc chỉ dành riêng cho đàn ông, hoặc cho một giai cấp xã hội.

Thi hành quyền tuyên cử, thường người ta vẫn lấy cá nhân làm đơn vị, vì cá nhân vẫn được coi là đơn vị trong đoàn thể. Vậy lúc tuyên cử thì mỗi cá nhân có một phiếu để bầu cơ quan đại diện cho toàn thể quốc dân. Nhưng từ ngày phong trào nghiệp đoàn bành trướng, thì quan niệm tuyên cử lấy cá nhân làm đơn vị ấy đã bị nhiều người công kích; người ta đã khởi xướng một thuyết lấy nghiệp đoàn làm đơn vị để cử cơ quan đại diện quốc dân.

Trong những cách tổ chức ấy, thì nhà lập hiến Trung Hoa đã chọn cách tổ chức nào?

Giả sử câu hỏi ấy, ta sẽ lần lượt xét ba vấn đề sau này: 1) hiến pháp Trung Hoa với chế độ « *bán phần trực trị* » gouvernement (semi-direct); 2) hiến pháp Trung Hoa với chế độ *phổ thông tuyên cử* (suffrage universel); 3) hiến pháp Trung Hoa với chế độ *nghệp đoàn đại diện* (représentation des intérêts).

1) *Hiến pháp Trung Hoa với chế độ « bán phần trực trị ».*

đại cương » có điều thứ 5 nói rằng: « *Nhất hoàn toàn tự trị chi địa phương, lý quốc dân hữu trực tiếp quyền cử quan viên chi quyền, hữu trực tiếp bãi miễn quan viên chi quyền, hữu trực tiếp sáng chế pháp luật chi quyền, hữu trực tiếp phức quyết pháp luật chi quyền.* » (Trong huyện nào đã được hoàn toàn tự trị, thì nhân dân có quyền trực tiếp quyền cử quan viên, trực tiếp bãi miễn quan viên, trực tiếp sáng chế pháp luật và trực tiếp phức quyết pháp luật). Điều thứ 9 ấy đã được nhắc lại ở điều thứ 7 của hiến pháp lâm thời: « *Trung Hoa dân quốc quốc dân ý Kiến Quốc Đại Lục độ bát điều chi quy định, tại hoàn toàn tự trị chi huyện, hương, lưu kiến Quốc Đại Lục Trung độ cửu điều sở định tuyên cử, bãi miễn, sáng chế, phức quyết chi quyền.* »

Một huyện hoàn toàn tự trị, tức là một huyện đã qua thời kỳ huấn chính, dân số đủ địa, an ninh, đạo lộ đều đã điều tra hoặc tự chỉnh, và nhân dân cũng đã được huấn huyện về bốn thứ quyền kể trên. Ở những huyện ấy thì, ngoài quyền huyện trưởng đề cử quyền hành chính toàn huyện và bầu nghị viện hàng huyện, nhân dân còn có quyền tuyên cử và bãi miễn một vị *hạng* quan viên hàng huyện và sáng chế hay phức quyết một vài thể lệ riêng cả huyện. Ấy là chưa kể rằng đối với chính phủ Trung Ương, thì mỗi huyện có quyền cử một đại biểu để tổ chức Đại-biểu hội của Toàn quốc.

Nói tóm lại nhân dân thì trực tiếp giữ tất cả những quyền *tuyên cử, bãi miễn, sáng chế, phức quyết* trong phạm vi hàng huyện là đơn vị của nền cai trị địa phương. Con tim giờ lên đến Toàn quốc thì nhân dân không trực tiếp can thiệp vào công việc của chính phủ. Chính thể này rõ ràng là theo kiểu mẫu của Hoa Kỳ; ở đây một vài thứ quyền trực trị của nhân dân, nhất là quyền *phức quyết pháp luật* (référéndum) được thi hành ở trong phạm vi các tiểu quốc của liên bang nó là đơn vị của nền cai trị địa phương của Mỹ Quốc. Quyền trực

ấy trước chỉ thi hành về vấn đề hiến pháp của các tiểu bang, sau dần dần lan ra cả về các vấn đề thường luật. Trong thời kỳ nhà lập hiến Trung Hoa khởi thảo hiến pháp của Trung Quốc, thi phong trào chủ trì quyền « phức quyết » rất thịnh hành ở Mỹ Quốc và cả ở thế giới nữa — Nhiều nước hoặc mới thành lập hoặc mới phục hưng, sau cuộc chiến tranh trước, như Tchecoslovaquie, Grèce, Irlande, Lithuanie, Lettonie, Esthonie v. v. ... đều thái thủ một đôi phần về chính sách trực trị. Bàn về chế độ « phức quyết » nhiều nhà chính trị học tỏ ý rất tán thành. Ông S. R. Honey Tác giả quyển « *Referendum among The English* » (tr. 7) tuyên bố rằng : « Ngày nay, trong toàn thể 38 tiểu bang của Mỹ quốc, sau 130 năm kinh nghiệm, chế độ này đã ăn sâu vào hiến pháp các nước và đã được công nhận trực tiếp hoặc gián tiếp tại tất cả các nước, mà không hề ai chỉ trích, mà trái lại càng ngày thiên hạ càng tỏ ý tán thành ». Đền như ông Joseph Barthélemy, chuyên môn chính trị học, mà cũng công nhận rằng : « Trực tiếp kỏi ý kiến của nhân dân thật không phải là một lý tưởng nguy hiểm hay một ảo vọng không thi hành được. Hiện chế độ này đang được thi hành ở Hoa Kỳ và nhiều nước khác ở Âu châu mà không có tai vạ gì cả. Vậy đứng trước tình thế khủng hoảng của chính thể đại nghị, ta hãy thử nghĩ xem thả là tìm cách cho nhân dân tham dự một thiết hân vào công việc quốc gia còn hơn là xu hướng về chính sách độc tài. » (Précis de droit constitutionnel tr. 82).

Khởi thảo hiến pháp giữa một phong trào tán thành như thế, lẽ cố nhiên là nhà lập hiến Trung Hoa không thể không công nhận cho các thứ quyền trực trị của nhân dân một địa vị trong hiến pháp mới !

Nhưng chắc họ cũng không quên rằng, tình thế Trung Hoa khác hẳn tình thế Mỹ quốc và các tiểu quốc ở Âu Châu, nên trong sự bất chắc đó, họ đã tỏ ra rất dè dặt. Quyền tuyển

cử và bãi miễn công chức (élection, révocation) chỉ thi hành cho những công chức hàng huyện nghĩa là những công chức không do chính phủ Trung ương cử ra. Quyền sáng chế và phức quyết thể lệ (initiative, referendum) cũng chỉ thi hành cho những thể lệ riêng của huyện, nghĩa là không phải những pháp luật hay mệnh lệnh của Trung ương ban ra. Vậy thì quyền hạn ấy cũng đã vì thế mà thất vọng. So với quyền của nhân dân các tiểu bang ở Bắc Mỹ là quyền can thiệp vào Liên pháp và pháp luật của cả tiểu bang, thì quyền của nhân dân một huyện của Trung quốc kém nhiều phần, vì đầu sỏ, một huyện Trung Hoa về tất cả các phương diện, chính trị, pháp luật v. v. ... không có một địa vị tự trị bằng được địa vị tự trị của một tiểu bang ở Hoa Kỳ, những thể lệ và công chức riêng của huyện, không quan trọng và không nhiều như là hiến pháp, pháp luật và công chức riêng của một tiểu bang.

Mặc dầu nội dung quyền trực trị đó không quan trọng mấy nhưng nếu đem thi hành ở Trung quốc, vì tất đã không có hại. Một là vì trình độ nhân dân còn kém, chưa đủ tư cách phân biệt rõ ràng sự lợi hại trong khi họ tuyển cử bãi miễn nhân viên này là sáng chế phức quyết thể lệ. Hướng chính hướng dấp tuyển cử, bãi miễn đó chính là những lúc nhân dân chia bè đảng so xát lẫn nhau. Nếu bè đảng chỉ là bè đảng chính trị thì lẽ ra sự chia rẽ cũng không đáng ngại nhưng — nên nhớ rằng ở thôn quê chưa phải lúc nhân dân đã tới trình độ biết so hạn chế sự tương tranh trong vòng chính trị : đối với họ tương tranh tức là thù hận, mà đã thù hận nhau, mà lập bè này đảng nọ thì lẽ cố nhiên rất nhiều việc đáng tiếc xảy ra khiến cho những cuộc tranh cãi ý kiến nhân dân đó sẽ đi sai hẳn mục đích chính đáng là vụ công tâm, công ích. Ai đã sống nơi hương thôn, hay đã có dịp biết những sự xích mích thường xảy ra hương thôn, đều phải công nhận rằng một phần lớn bất hòa ở đó là do những sự cạnh tranh giữa bè này cánh nọ. Cho nên với tình thế như vậy, mà lại cho nhân dân những quyền trực trị kể trên thì thật là đổ dầu vào lửa.

(Xem tiếp trang 25)

SU' TA SƠ VỚI SU' TÀU

Ứng-hoà NGUYỄN VĂN TỐ

Ông Henri Maspero có viết một bài khảo về Trưng-quận đăng trong tập kỷ-yếu trường Bắc-cổ, quyển XVI, số 1, trang 49-55, nay tôi dịch nguyên-văn như sau này (La commanderie de Siang) :

« Năm 212 trước Thiên-chủ, Tần Thủy-hoàng sai Nhâm-Ngao và Triệu-Đà dời dân đến ở phía nam nước Tàu là những xứ dân chưa khai-hóa. Trong khi ấy Nhâm-Ngao và Triệu-Đà kinh-lý các chỗ đất đã chiếm lấy được, chia làm ba quận là : Quế-lâm, Nam-hải và Trưng. Tất cả những người làm sách đời nay, từ người Tây, người Tàu đến người Nam đồng ý cho Trưng-quận ở ngoài bờ cõi nước Tàu bây giờ và cho là đất Bắc-kỳ cùng phía bắc Trung-kỳ. Sự nhận bờ cõi ấy sẽ xét ở các sách dưới này. Độc-giả đừng lấy làm lạ rằng, những quyển dẫn chứng ra đây, toàn là sách Tàu, mà không có nói một người làm sách nào của ta cả, vì trong đời Bắc-thuộc, người làm sử của ta không thêm được tài-liệu gì mới lạ.

« Xét các sử cũ của Tàu, thì hiểu ngay rằng về sự nhận giới-hạn ấy chia ra hai thuyết, một thuyết cho Trưng-quận vào một chỗ khác nhau. Một thuyết cho Trưng-quận là Nhật-nam đời Hán, tức là tỉnh Quảng-binh; Quảng-trị bây giờ; những sách theo về thuyết ấy thì nhiều lắm, kể cả ra đây cũng vô-ích, nay tôi (vẫn lời ông Maspero) chỉ kể quyển cũ nhất. Từ cuối thế-kỷ thứ nhất sau T. C., quyển *Tiền Hán-thư*, về mục *Địa lý-chư* có chép một câu rõ chứng cứ rằng : « Quận Nhật-nam tức là Trưng-quận cũ đời Tần ». Đó cũng là ý-kiến của một người làm sách về thế-kỷ thứ hai sau T. C., trong *Sử-ký tập-giải* dẫn lời Vi-chiêu rằng : « Trưng-quận bây giờ là Nhật-nam » (*Sử-ký*, 9-6, tờ 9b). Đến thế-kỷ thứ tư có quyển *Tấn-thư Địa-dao-ký* (của Vương-Ẩn, sách ấy nay không còn) nói thêm một cách rõ hơn rằng :

Người ta còn thấy ở Nhật-pam ni ứng di-tích của quận-lý quận ấy. « Quận-lý Nhật-nam cách hai trăm dặm cửa sông Lự-dung, là huyện-lý cũ của huyện Trưng-lâm, thuộc Trưng-quận đời Tần ». Đoạn này trích ở *Thủy-kinh-chú*, (q. 36, tờ 20a, và b).

« Còn thuyết thứ hai thì cho Trưng-quận ở vào phía nam Quảng-tây, tức là vào một chỗ khác hẳn chỗ trên. Quyển *Son-hải-kinh* là một quyển sách, kỷ-khối gộp nhặt những chuyện từ đời Tần đời Hán, trong có thiên thứ 43 nói về tên các sông, có người cho là *Thủy-kinh-chú* đầu tiên. Thiên ấy có hai câu nói về Trưng-quận như sau này : Câu thứ nhất là : « Sông Nguyên bắt đầu chảy từ phía tây Tầm-thành (nay huyện Kiềm-duong, Phủ Nguyên-châu tỉnh Hồ-nam) thuộc Trưng-quận, chảy vào phía đông, rồi ra sông Giang, lại vào phía tây huyện Hạ-Tủy. (ông Maspero in nhầm là Hạ-tiên...) rồi chảy giót vào trong hồ Động-dinh ». Câu thứ hai là : « Sông Uất phát từ núi ở Trưng-quận phía tây nam chảy ra về phía nam, rồi chảy vào đông-nam Tu-lãng ».

« Sông Nguyên hiện nay vẫn còn tên như thế, đó là chi-lưu hồ Động-dinh, tức là sông Dương tử ; sông đó có còn đường lớn ở Quý-châu, chảy ngang từ giữa tỉnh Quý-châu, đến đông bắc. Sông Uất là sông Quảng-dông, bắt đầu từ cuối tỉnh Vân-nam và Quảng-Tây rồi chảy hết đến Quảng-dông.

« Ai cũng hiểu rằng người làm đoạn sách này cho Trưng-quận gồm tất cả phía tây Quảng-tây với phía nam Quý-châu. »

« Mà quận lý ở trong vùng đó, vì trước kia đặt ở huyện Lâm-trần, tức là phía tây phủ Nam-Ninh bây giờ. Cứ theo *Mậu-lãng-thư*, thì quận lý Trưng-quận ở Lâm-trần, cách Tràng-an 7.500 dặm (chỗ này ông Maspero bỏ sót 10.000 dặm)

« Xem như thế, thì biết rằng: Phần nhiều những người làm sách về đời Hán và đời Tam-quốc, cho Trưng-quận vào hai miền rất xa nhau, tức là một đằng vào phía giữa Trung-kỳ, một đằng ở Quảng-tây, Nhưng không quyền nào chép cả hai miền ấy.

Về thế-kỷ thứ sáu không ai đề ý đến chỗ ấy, cho nên Ly-đạo-Nguyên làm bộ *Thủy-kinh-chú* (q-38, tờ 30b) muốn cho những sách nói sông Uất ở Trưng-quận và những sách nói Trưng-quận là Nhật-nam không trái nhau, mới tự ý đặt ra rằng sông Uất dài từ bờ biển Trung-hoa qua Hải-nam và vịnh Bắc-kỳ, để cho sông Uất đến tận Nhật-nam.

« Mãi đến đời Đường người ta mới nghĩ cách làm cho hai thuyết nhận địa-giới khác nhau, từ nay đợc hợp nhau, là làm cho hai nơi đó, một chỗ cực Nam, một chỗ cực Tây đợc liền nhau, thế là cõi đất Trưng-quận lan rộng ra không phải một vùng mà thôi, khắp cả hai vùng có cả những xứ ngăn cách nhau.

Đỗ-Hư làm quyền *Thống-diễn* có chú-thích rằng: « Quận Trưng ray là những quận Chiêu-nghĩa, Nam-phan, Phổ-ninh, Lăng-thủy, Nam-xương, Địch-li-xuyên, Ninh-việt, An-nam, Vũ-ngã, Long-thủy, Hàn-thành, Cửu-chân, Phúc-lộc, Văn-dương, Nhật-nam, Thừa-hóa, Ngọc-sơn, Hợp-phố, Ân-lạc, Hải-khang, Ôn-thủy, Thương-tuyền, v.v. » (*Thống-diễn*, q-184, tờ 5b). Đến chữ Trưng-quận (của đời Đường) lại chú-thích rằng: « Trưng-quận đời Tần là quận Hợp-phố ngày nay, chứ không phải Trưng-quận ngày nay » (*Thống-diễn*, q-184, tờ 17b).

« Lời cắt nghĩa ấy được hoan-ngheh, nên về sau những người Tàu làm sử và làm địa-dư đều theo cả, chuyển sang đến người Nam. Có vài người là n sách Tàu muốn cho đúng hơn, thì lại làm thêm, như *Cựu-Dương-Thư* (q-41, tờ 31b) chép: « Tổng-binh là Tây-quyển đời Hán, thuộc quận Nhật-nam, từ Hán đến Tấn vẫn giữ tên Tây-quyển để nhà Tống lập ra quận Tống-binh và huyện Tống-binh, nhà Tùy dẹp được Trần đặt châu Giao ».

« Đó toàn là nhầm lẫn cả. Người làm *Cựu-Dương-Thư*, một đảng tin Trưng-quận là Nhật-nam đời Hán, mà di-tích hãy còn gần Nhật-nam, còn một đảng cho An-nam đô-hộ-phủ đời Đường thuộc về Trưng-quận, mới có cái ý-kiến nhầm lẫn gán phủ trị chỗ nọ thuộc vào chỗ kia như thế.

« Sự nhầm lẫn ấy làm giảm giá tác-giả về sự hiểu biết địa-dư, vì Tống-binh là gần Hà-nội bây giờ mà Tây-quyển thì tìm vào vùng Huế mới có. Nếu gạt cái tục-truyền mới này đi, thì Trưng-quận còn hai chỗ: một là ở giữa Trung-kỳ, hai là ở phía tây Quảng-tây và Quý-châu. Hai chỗ cũng có những sách cổ làm chứng nhưng đều là chép sau đời có tên Trưng-quận nhiều lắm mà hình như không có thể phán-đoán về những lời chép ấy là xác thực, để theo đấy mà kết luận chắc chắn. Nhưng có một việc thuộc về lịch-sử mà các nhà làm sách Tàu biết cả chỉ vì không thuộc địa-dư nên không đề ý: việc ấy tỏ rõ Trưng-quận không thể ở vùng Huế được, là năm 76 trước thiên-chúa, Hán Chiêu - đế bỏ Trưng-quận, chia đất làm hai quận Uất-lâm và Tượng-kha (*Tiền Hán thư*, 9, 7, tờ 4 b).

« Uất-lâm đại-đề ở phía đông nam tỉnh Quảng-tây, Tượng-kha ở phía tây Quý-châu. Thế là lại theo bờ cõi chép ở *Son-hải-kinh* và *Mậu-lãng-thư*, mà bỏ hẳn cái bờ cõi, chép trong *Tiền-Hán Địa-lý-chí*... ».

Bài ông Henri Maspero dịch ra như thế: đại ý ông cho Trưng-quận ở phía nam Quảng-tây nước Tàu bây giờ, chứ không phải ở Trung-kỳ nước ta.

Nay đem những sách Tàu của ông dẫn ra xem lại, thì thấy có nhầm mấy chỗ như sau này:

Một chỗ ông dẫn *Mậu-lãng-thư* nói quan-ly Trưng-quận ở Lâm-trần cách Tràng-an 7500 dặm: chỗ này ông bỏ sót chữ « vạn » tức là một vạn dặm, chính sách chữ nho như quyền *Kinh-diễn tập-lâm* dẫn *Mậu-lãng-thư* và dưới chữ Trưng-quận ở Hán-thư Cao-đế kỷ, hai chỗ đều dẫn một câu như câu ông Maspero đã dẫn,

nhưng đến cổ chữ « van », thế là quận-trị Tượng-quận cách Trảng-an đến 17.500 dặm, chứ không phải 7.500 dặm.

Còn một chỗ ông dẫn *Tiền-Hán thư* nói rằng : năm 76 trước T. C. Hán Chiêu-đế bỏ Tượng-quận chia đất ra làm hai quận, là Uất-lâm và Trường-kha. Ai mới nghe câu ông dẫn cũng tưởng rằng : đến năm 76 trước T. C. Vua Chiêu-đế nhà Hán bỏ Tượng-quận đặt làm hai quận là Uất-lâm và Trường-kha, nói rõ hơn nữa, là đến năm 76 trước T. C. mới có tên Uất-lâm Trường-kha nhưng không phải thế, chính sách chữ nho là *Hán-thư* chép rằng : Nguyên-Phượng ngũ niên, thu, bãi Tượng-quận phân thuộc Uất-lâm, Trường-kha » nghĩa là « mùa thu năm thứ 5 hiệu Nguyên-Phượng, tức năm 76 trước T. C. bỏ tên Tượng-quận, chia sáp nhập vào quận Uất-lâm và Trường-kha » thế là Uất-lâm, Trường-kha đã có sẵn rồi, đến năm ấy thêm đất Tượng-quận vào, chứ không phải dời Tượng-quận làm hai quận Uất-lâm và Trường-kha. Xem ngay *Hán-thư* về năm 112 trước Thiên-Chúa, Hán-Vũ-đế sai người đem quân nước Dạ-lang xuống sông Trường-Kha rồi họp ở Phiên-ngung để đánh họ Triệu, thế là lúc ấy đã có quận Trường-kha rồi. Cùng trong *Hán-thư*, năm 111 trước T.C. Hán Vũ-đế đánh lấy Nam-việt của họ Triệu, chia ra 9 quận, trong có 1 quận tên là Uất-lâm : thế là đã có quận Uất-lâm rồi.

Hai tên Uất-lâm và Trường-kha có từ trước năm 76 trước T.C. Còn Tượng-quận ấy là Tượng-quận của đời Hán, không phải Tượng-quận đời Tần. Xem quyển *Lĩnh-ngoại đại-dáp* của Chu-khứ-Phi có đoạn nói rằng : « Nhà Tần lấy được Dương-việt, đặt làm Nam-hải, Quế-lâm và Tượng-quận, Hán Vũ-đế dẹp vùng Nam-hải, tách quận Quế-lâm của Tần làm hai, là Uất-lâm và Thương-ngô, tách Tượng-quận của Tần làm ba, là Giao-chỉ, Cửu-châu và Nhật-nam, lại cắt chỗ đất thừa ở quận Nam-hải, Tượng-quận làm quận Hợp-phố... » Cứ xem đoạn ấy thì Tượng-quận đời Tần, chính Hán Vũ-đế đã tách làm ba từ năm 111 trước T.C. mà hải còn một phần làm Hợp-phố, còn đâu đến

năm 67 trước T.C. mà bề tên. Vì ông Henri Maspero nhầm chữ Tượng-quận đời Hán làm chữ Tượng-quận đời Tần, cho nên ông nhận nhầm bờ cõi chỉ ở vùng Quảng-tây như thế. Chính ra ở Tần là 3 quận, đến Triệu-Pha làm một nước, đời Hán lại chia làm 9, mà cùng một chỗ đất ấy, thì biết rằng một quận đời Hán chỉ bằng một phần ba của đời Tần.

Lại về việc ông Henri Maspero tính năm ta sang năm tây cũng hay nhầm, như ông nói : « năm 219 trước trước T. C. Tần Thủy-hoàng sai Nhân-Ngao và Triệu-Đà đi thực dân... » Các Sử Tần và Sử ta đều chép năm Đinh-hợi là năm thứ 33 Tần thủy-hoàng, so với niên-biểu tây là năm 214 tr. T. C., chứ không phải năm 212 tr. T.C.

Ấy đại-khai trong bài của ông có mấy chỗ dẫn sách Tần, mà sai nhầm như thế

Nay tôi góp nhặt tất cả những tài-liệu chép ở trong sách ta, sách tàu, tham-khảo đính-chính, xem thuyết của Ông Henri Maspero có đứng vững được không ?

Sử ta chép trước nhất về đời thượng cổ là *Đại-Việt. Sử-ký toàn-thư*. Quyển ấy chép rằng : « Năm Đinh-hợi (214 tr T. C.) là năm thứ 44 đời Thục-An-dương-Vương, tức là năm thứ 33 đời Tần-thủy-Hoàng bên Tàu. Nhà Tần sai Đồ-Thư và Sử-Lộc chiếm lấy đất Lĩnh-Nam đặt Quế-lâm, Nam-hải và Tượng-quận... » ; dưới chữ Tượng-quận có chua 3 chữ « tức An-Nam » (*Sử-ký toàn-thư*, Ngoại-kỷ, q. 4, tờ 8b). Đến *Đại-việt Sử-ký* (tiền biên (q. 1, tờ 14 a) chép rằng : « Năm Đinh-hợi (214 tr. T. C.)... Lúc bấy giờ nhà Tần lấy được Việt nhiều châu ngọc, muốn quận-tuyên nước ấy... sai Đồ-Thư và Sử-Lộc đi sâu vào Lĩnh Nam giết vua nước Tây-Âu là Dịch-hu-Tổng, chiếm lấy đất Lục-lương, đặt Quế-lâm, Nam-hải, Tượng-quận... » Dưới chua... Tượng-quận là đất Nam-Việt đời xưa... *Sử-ký tiền-biên* chép như thế và chua nghĩa như thế, là có 3 cho Tượng-quận đời Tần gồm cả nước Nam và một ít đất nước Tàu ngày nay. Đến *Khâm-dịnh Việt-sử tiền biên*, (q. 1, tờ 10a) chép rằng : « năm Đinh-

hội. nhà Tần sai Đồ-Thư và Sử-Lộc chiếm đất Lĩnh-nam, đặt *Trọng-quận*. Đầu bài chỉ chép *Trọng-quận*, không chép *Quế-lâm-Nam-hải*, là có ý nhận *Trọng-quận* là đất nước ta. Dưới mục Chú-thích dẫn cả bài *Bách việt cổ địa* (đất cũ Bách Việt) ở trong sách *Lĩnh ngoại đại-dáp* của Chu Khứ-thị đời Tống, bài ấy nói rằng : « Từ khi nhà Tần nhất thống thiên hạ (nước Tàu) dẫn cây, mở đường, sửa sang đất *Dương Việt*, đặt *Quế-lâm*, *Nam-hải*, *Trọng-quận*, *Trọng-quận* tức là *Giao-chỉ* (đời Tống), đến *Man Vu* đẹp vùng *Nam-hải*, tách *Quế-lâm* của nhà Tần làm hai, là *Vất-lâm*, *Thuong-ngô*, tách *Trọng-quận* làm ba, là *Giao-chỉ*, *Cửu-châu*, *Nhật-nam*, lại cắt chỗ đất thừa ở *Nam-hải* và *Trọng-quận* làm quận *Hợp-phố*, còn từ huyện *Từ-văn* ra bề, lấy đất *Nam-hải* đặt thêm *Châu-nhai*, *Đam-như*, tất cả chín quận đặt một thời ở *Châu Giao*. Nhà Hán chia ra làm chín quận, so với nhà Tần hình như nhiều hơn, nhưng chia ra cũng chỉ một châu *Giao* (của đời Hán) mà thôi. Đến nhà Ngô (226 và 264 sau T. — C) chia ra làm hai là *Giao* và *Quảng*. . . . » Từ bấy giờ *Châu Giao* lại bé đi, chỉ bằng một nửa *Châu Giao* đời Hán.

Thế là ba quyền sử ta đều cho *Trọng-quận* là đất nước ta, cả một sách Tàu như, quyền *Lĩnh-ngoại đại-dáp* (làm năm 1478 sau T.-C.) cũng cho ngĩa như thế

(Còn nữa)

Ứng Hòa Nguyễn Văn Lữ

MỤC VIÊN

PACIFIQUE

XANH-TÌM

KHÔNG PHAI MÀU — KHÔNG CẶN

CÓ BÁN TẠI CÁC HÀNG SÁCH. Bán buôn

theo giá Hội Đồng Hòa Giả ấn định

DO VAN THIỆU

63 — *Maréchal Foch*

Vinh, Boite post. n° 11

F I Z U E

SÁCH CỐ BẢN

THỜI MÂY NGÀN

Bài 2 màu — Bìa 3 màu. In toàn giấy đặc biệt do họa - sĩ MANH-QUYNH trình bày. Số in rất ít, nên đặt trước tại các hiệu sách quen kéo kẻo.

CÓN RẤT ÍT

Việt Hoa Thông Sử Sử-Lược.	5\$00
Không Tử Học Thuyết (I)	4; 50
Lịch-Sử Bắc-Chi	2, 00
Nghệ-Thuật và Danh-Giáo	2, 50
Phục-Vệ Việt-Nam	2, 50
Tan Hiên Kinh	1, 20
Dư-Thuyết Yếu-Thuyết	2, 50

QUỐC HỌC THU XÁ

Sách mới

B. B. AI MỸ — TRẦN THIÊN

TÌM THƠ

Loại sách « Tuổi vàng »

Những nét tình đậm đà
trong những lời thơ mới mẻ

In toàn giấy tốt — Bìa cứng hai màu

Giá mỗi cuốn 2\$50

Bản quý có chữ ký tác giả 5\$00

Chỉ bán tại nhà xuất bản

Qui-vị đặt mua xin viết thư cho .

Ô. BỬU ĐÀO

Nº 8, Rue Courbet Quinhon

GIÁO DỤC ÂM NHẠC

VĂN HOÀ

PHẦN THỨ BA

Đề trở nên một soạn-nhạc-gia có tài

Với người thanh-niên muốn trở nên một nhà soạn-nhạc giỏi, viết nổi những bài dân giá-trị, ta có thể nói: không có một cách học nào, dù hoàn toàn đến đâu chăng nữa, có thể đưa chàng tới mục-dịch, nếu chàng thiếu bản-năng sáng-tạo, thiếu nguồn lửa thiêng làm chàng luôn luôn có cảm-hứng pha trộn một cách huyền-diệu những âm-thanh! Đây là cái thiên-tài quý báu Trời trao cho, nhiều hay ít, cho một thiếu số thôi. Đôi khi, cái thiên-tài chỉ phát lộ một cách yếu ớt. Chính vì có cái thiên-tài ấy, nên nhiều nhà soạn-nhạc có tài ngay bây giờ đã tỏ rõ cái khuynh-hướng ưa thích soạn hay ghi chép những âm-thanh, dù lúc ấy, có lẽ họ mới thoáng hiểu, hay ước đoán những luật hòa-thanh một cách mơ-hồ. Tuy thế, họ cũng cảm thấy hình như có một sức thiêng-liêng nào xui khiến họ phải ghép những âm-thanh một cách tài-tình, sao cho thành được bài ca êm-đềm. Các khiếu năng ấy cho ta biết ít nhiều hứa-hẹn tốt đẹp trong tương-lai.

Khoa giáo-dục xưa hằng nhắc mãi rằng: phải có mầm tốt mới mong làm cho mạnh cái tốt ấy được. Thiếu thời ấu: Về thiên-tài cũng thế, phải có chút mầm Trời phú-cho, dù hết sức yếu-ớt, leo lét, chỉ thành-thoảng phát-lộ một cách mơ-hồ, nhưng cũng phải có sẵn, mới mong vun đắp cho mầm ấy một ngày kia thành một cây xanh tốt được!

Có biết bao thiếu-niên đã được Trời phú cho chút thiên-tài, nhưng không được chăm-nắm đến, nằm leo lét dần, và tắt hẳn.

Trước khi nói đến chuyện tìm phương-pháp tốt để vun đắp mầm thiên-tài, ta hãy nhìn qua tất cả

những hoàn-cảnh xấu, những điều-kiện bất-lợi cho sự phát-triển của nó và làm nó tắt ngấm ngấm một cách đáng tiếc:

Ta hãy kể những người trẻ tuổi sống heo-hút ở những nơi hẻo-lánh, xa-khinh-độ, thiếu người trí-thức cao, đủ giao-du, suốt tháng năm quan sống với bọn người tầm-thường hay vô-học, thiếu tình-yêu say mê, hay một niềm khao-khát mãnh-liệt, ở một điều gì tốt đẹp, nghĩa là, tất cả những thứ làm cho cuộc sống của họ đều đều, chầy trôi hết sức tẻ nhạt, và thấp kém.

Trong những hoàn-cảnh thiếu thốn tinh-thần ấy, mầm nào nảy nở được? Cây nào xanh tươi được?

Ta có biết những hoàn-cảnh bất-lợi cho mầm tài hoa của người ta, ta mới tìm được những hoàn-cảnh thuận-tiện cho sự rèn luyện cho người thanh-niên đã được Trời phú cho ít nhiều hứa-hẹn đi tới được mục-dịch tốt đẹp.

Mong mỗi trở nên nhà soạn-nhạc (Compositeur) là một điều cao quý hết sức, vì định đem cái tài, còn leo lét Trời trao cho, và công phu rèn luyện cho một cây kia, với tài sức riêng của mình làm tiến-bộ nghệ-thuật, làm rạng rỡ nền âm-nhạc của đất nước một phần. Sự-mệnh ấy doo lắm, nên người thanh-niên ước đoán thấy Trời đã phú cho ít nhiều thiên-tài, muốn đem phương sự Nghệ-thuật, hãy tìm hết rạch ròi hiểu và cảm-thông được cái đẹp! Hãy đến chiêm-ngưỡng những bảo-tàng-tiện xem-xét và suy-nghĩ đến những tiến-bộ tài-thực của loài người, từ những đồ vật thô-sơ đời, cổ, đến những tuyệt-phẩm từ bao năm còn lại đến nay! Chưa gì từng ngắm những cảnh-sắc buy-hoàng của tạo-vật, có đặt chân ở khắp nơi danh-lam thắng-cảnh để chạm trán với những người xa lạ tài giỏi,

sống rải rác khắp nơi, tâm-hồn chẳng mới được mở rộng, và khiếu thẩm-mỹ mới được tinh-tiến thêm. Định đi tìm cái Đẹp trong lời ca, tiếng đàn chẳng không có quyền không tìm đến tất cả những cái lợi cho khiếu thẩm-mỹ của chàng.

Cũng khi đó, ngoài ngành học âm-nhạc yêu-mến, người thiếu-niên mong trở nên soạn-nhạc, gia, hãy đề ý đến văn-chương, khoa-học, triết-lý-đọc sách nhiều, đi nhiều để nhìn những miền đẹp nơi xa, để quan-sát y-phục, phong-tục của từng miền, để hiểu tác-phẩm về Điêu-khắc, Hội-họa của từng xứ. Như thế, chàng mới tới trình-độ trí-thức cao, và do đấy, những bản đàn viết nên mới có giá-trị. Chàng cần tìm biết cách để quen biết các nghệ-sĩ khác, nói chuyện, trao đổi tư-tưởng để làm giàu cho kho tàng trí-thức của chàng

*

Tất cả những lời khuyên của Lavignac sẽ không là quá đáng đối với người thanh-niên thiếu hiểu cái cao quý của Nghệ-thuật, và biết rằng: Nghệ-thuật cần phải tiến lên mãi, sáng-tạo điều mới lạ, đẹp hơn, hay hơn; muốn thế, người soạn-nhạc có tài phải là người học rộng mới đủ làm tiến cho Nghệ-thuật, mới xứng đáng với sứ-mệnh cao quý của mình.

Những lời khuyên của giáo-sư chỉ dành cho những thanh-niên « xứng đáng của Ngày-mai còn » đối với bọn soạn bài đàn chỉ mong viết nổi vài bài ca ngắn, để dãi dề hát chơi, soạn vì hư-danh không có tinh cách Nghệ-thuật, không xứng-đáng với Nghệ-thuật thì những lời khuyên trên là vô-ích, vì cần gì phải công-phu mới đi tới !

Nhưng đối với thiếu-niên yêu mến Nghệ-thuật, say mê và tôn quý nó, thì không một lời khuyên nào là thừa, vì người ta không bao giờ nên nhàm người « viết bài đàn » và người soạn-nhạc chân chính, cũng như không phải ai cầm bút vẽ đều là họa-sĩ tài năng cả.

Người ta có thể ngạc-nhiên thấy giáo-sư khuyên người thanh-niên học để trở nên nhà soạn nhạc có tài phải biết cả luật Thơ, phải biết Văn-Chương, hay đi du-lịch nhiều mới đủ viết nổi những bản đàn tuyệt-diệu ! Không có gì lạ cả ! Nhạc và Thơ bao giờ cũng đi đôi với nhau. Xưa kia, thời Trung-

Cổ, các thi-sĩ phương Tây vẫn thường ca lên những lời thơ êm đềm, theo tiếng đàn *Viole*. Ở Á-đông, bao văn-nhân cũng đã dùng đàn, phổ những lời thơ du dương rồi, có phải ngày nay mới có đàn ! Triết-học có biết nhiều, nhạc-sĩ có quen với tư-tưởng những tiếng đàn soạn ra trong một bài mới có tính cách thanh-cao. Ai đã học nhiều về Âm-nhạc đều biết một bài *Symphonie* hay 1 vở *quatuor* 4 thứ đàn hòa-hợp cùng nhau thật là cả một tác-phẩm về Triết-học, từ lối viết đến cách diễn-tả tư-tưởng và tình-cảm trong bài đàn.

Nhiều người không hiểu đặt chân lên nhiều nơi, ngắm phong cảnh của phương xa, thì có lợi gì cho tài soạn-nhạc ? Không ! Nghệ-sĩ chân chính đứng bên một sườn núi cheo leo, một cảnh hoang-tàn dưới ánh nắng sắp tắt lúc chiều tà, tất cả cảnh-vật cái gì cũng như kêu gọi niềm nhớ tiếc, mơ buồn sẽ không thể không rung cảm mạnh mẽ tâm-hồn chàng ! Nhiều khi, chính cái phút cảm-hứng ấy, chính lúc say mê vì cảnh, vừa nhìn thấy, hay thoáng gọi nhớ lại một niềm vui, buồn gì, là tất cả đầu đề, khởi điểm cho một bản đàn bất-hủ. Nổi rung động âm thầm, sâu xa trong một khung cảnh hiu-quạnh, nghệ-sĩ cảm thấy, khi đứng trước một trạng-thái kỳ lạ của tạo vật, những cảnh sắc huy hoàng thoáng nhận trên mặt biển bao la, nhiều khi đã kết-tinh nên những tuyệt-phẩm về Mỹ-thuật. Về Văn-chương, Chateaubriand, đứng trước hoang-tàn trên Cạn-đông, đã ghi những nổi rung cảm chói, lợi trong tác-phẩm *Martyrs*. Victor Hugo, ngồi trên mỏm đá cheo leo, nhìn ra biển rộng, nhìn những đợt sóng bùng-vĩ đang dần dần chìm trong bóng đêm, đã viết nên áng thơ *Océano Nox* thì, tại sao, nghệ-sĩ có tài không, vì những phút cảm-hứng mãnh-liệt ấy mà soạn nổi một bản đàn bất-hủ ? Cho nên, dưới ánh trăng, nhạc-sĩ Beethoven đã soạn bài *Clair de Lune*, hay Schumann đã viết bài *Réverie*, trong phút mơ, giá trị còn mãi mãi đến ngày nay...

*

Nhiều khi, người soạn nhạc đem tài áp dụng vào Kịch-trường, để nâng cao ngành Nghệ-thuật này. Muốn được thế, người thanh niên ngày từ

hãy giới phải học thần-thoại (mythologie) và biết những dã-sử, hay những truyện cổ-lịch truyền-tung trong dân gian, vì có nhiều trường-hợp, chẳng cần phải một bài thơ thành bài đàn, chẳng cần biết và hiểu thấu tâm-trạng, tình-cảnh của những nhân vật trong truyện, trong vở kịch, biết rõ họ đã làm gì trong thời đại của họ, để khỏi mắc những điều nhầm trong bài ca hay 1 vở ca-kịch. Ở Pháp, thỉnh thoảng người ta lại cho diễn một vở ca-kịch (opéra), toàn thầy vở hát đều là âm nhạc; ở trường hợp này, nhà soạn-nhạc phải biết cái học nói trên, phải học rộng mới soạn nổi.

Về khoa-học, chẳng dùng quên khảo-cứu khoa Âm-thanh-Học (Acoustique) là một ngành mới phát-triển rất ít, so với các ngành khoa học khác.

Có người tự hỏi: Định học nhiều như thế thì bao giờ cho tới được? Có lẽ dễ cả một đời còn chưa đủ. Sao lại không? miễn là có phương pháp! Một vài năm dành cho khoa-học, cho Văn-Chương, rồi đọc thơ yêu thơ và trong khi học, lẽ tất nhiên, lại thấu thái được *cách làm việc*, cho mau đến kết-quả, rồi, những thời-kỳ nghỉ thực-hiện những chuyến đi xa, để giải-thoát cho tâm-hồn những nỗi mệt nhọc

Dù sao, những bước học cao cấp về Âm-nhạc cũng rất khó khăn; Đây là những bước học cần cù, kiên-nhẫn lâu năm mới hy-vọng tới được. Cũng như Văn-Chương, với bao nhiêu công-phu, nghệ-sĩ mới hái được những danh-vọng thanh-ca. Trời dành riêng cho bọn thượng-luỹ của nhân-loại? *Thời-Gian* là một điều cần-thiết trong sự rèn luyện, đến nỗi J. J. Rousseau đã nói hơi « ngang tàng » rằng: « *Cái lỗi to nhất mà người ta thường mắc phải trong sự giáo dục là muốn vội vàng, tới ngay mục-đích. Thực ra, điều cần-thiết không phải làm cho lợi thì giờ, mà chính là phải làm mất nhiều thì giờ!* »

Ông muốn nói: làm mất thì giờ trong sự học lâu dài thì người ta lại đến trước kẻ muốn vội, muốn nhanh, để được lợi thì giờ!

Nói tóm lại, người từ trước theo đuổi mục-đích cao-quí trở nên nghệ-sĩ sáng-tạo, sẽ phải

làm việc rất nhiều, muốn theo đuổi sự học một cách thú-vị, hãy sen lẫn vào cái học Âm-nhạc, những môn Văn-chương, Triết-học, thể-thao v. v... để, sau mỗi lần chơi và giải-trí bằng những thứ đó, lại dờ lại môn học-chính Âm-nhạc với tất cả sự ham thích mãnh liệt và nồng nàn....

*

Thiên tài và tài năng

Muốn tạo nên những tác-phẩm bất-tử về Âm-nhạc, người ta cần có Thiên-tài, điều ấy, ai cũng đã biết! Nhưng cái thiên-tài trong tiếng nước chưa đủ làm người ta sáng tạo nổi những bản đàn bất-diệt được! Từ xưa đến nay, những bậc vĩ-nhân trong ngành nghệ-thuật này bao giờ cũng là những người đã rèn luyện, yêu mến đến say mê cái khiếu riêng, và phụng sự Âm-nhạc là cái mà họ đã coi như một cửa bầu, cao quý theo đuổi suốt đời một cách tận tụy và khổ nhọc. Có cả thiên tài và tài năng, người thanh-niên mới mong tới được những ngày vinh-quang sán lạn của một nghệ-sĩ thành công. Thiên-tài là cái Trời phú cho chẳng khác nào làn tóc đen, cặp mắt đẹp là cái Trời cho từ lúc sơ sinh, không phải là việc của người tạo ra được, còn tài năng là cái người ta kiên-tâm học thì tới được, công phu của riêng ta. Thí dụ: Muốn trở nên danh-ca, phải có *giọng hay* trời cho. Như thế chưa đủ! Phải *học hát* rất công phu nữa, mới mong lòng lấy được. *Giọng hay* là cái Trời cho, mà *công phu học* là việc của người ta vậy

Đối với Nghệ-thuật, cái Thiên-tài nói trên, cũng quan-trọng như linh hồn đối với thân-thể. Có linh hồn sai khiến, thân thể mới tuân theo mà hành động được. Có Thiên-tài, nghệ-sĩ mới có cái mãnh-lực quyến-rũ, rung cảm lòng người, truyền được cảm xúc của nghệ-sĩ sang người đọc, hay người nghe tác-phẩm của mình. Không ai dạy cảm hứng được cả! Cảm-hứng (inspiration) tự nhiên phát-lộ trước một cảnh-tượng hay một cảnh huống gì!

Phải có nguồn lửa thiêng liêng âm-thầm xui khiến người thanh-niên phải sáng tạo, thêm công phu rèn luyện cho cái tài riêng nước được nảy nở, mới mong trở nên một nghệ-sĩ xứng đáng được!

Bây giờ, người thiếu-niên ước đoán thấy mình thoảng-hiện mầm thiên-tài, cảm thấy yêu say mê Nghệ-thuật, và i-lát-điuh mốt ph-ư-g-sư rồ! Định trở nên một soạn-nhạc-gia là muốn nhận lấy cái sứ-mệnh cao quý làm tiền nền Âm-nhạc, vì tự mình phải tìm tòi, sáng-tạo trên những âm-thanh xếp đặt một cách kỳ-diệu khác hẳn những bản đàn của người khác. Muốn thành một nghệ-sĩ có tài như thế, muốn bước vào thế-giới cao-dâng của Âm-nhạc người trẻ tuổi ít ra cũng phải giỏi Solfège, biết đàn piano đã khá, viết những Âm-thanh đã thạo, vì bây giờ là lúc, ghi chép những âm thanh trăm hồng đo tri tưởng, tượng của chàng đọc lên. Có biết piano, chàng mới đạo được những bản đàn đặt ra, hơn là giao cho một nhạc-sĩ khác, không thể hiểu thấu như tác-gi được.

Gọi kỹ-am pháp để có một cách diễn-tả, ghi chép cảm xúc của mình, để có một «ngôn ngữ» riêng để nói thứ tiếng riêng của mình, biết đàn piano để quen dần với Nghệ-thuật mình theo đuổi, còn thiếu nền tảng Khoa-học là đủ tạo nên bản đàn, (Âm nhạc gồm 3 tính cách: Ngôn ngữ, Nghệ thuật và Khoa học như đã giải thích ở bài đầu của nền người thanh-niên phải học Harmonie khoa hòa-thanh để biết pha-trộn các âm-thanh, học Contrepoint, học fugue v.v....

Có học harmonie, người ta mới biết diễn-tả một cách khéo léo, đẹp đẽ, không nặng nề, không ruộm rà mới biết những âm-thanh rồi rào, êm dềm, nhưng luật điệu viết trên bài đàn, tùy theo giọng của từng người.

Cái học ấy đối với người soạn nhạc công-phu lắm, không vội vàng được vì chỉ học để biết các luật và biết áp-dụng các luật (phải xem lần, lý-thuyết với thực hành luôn) đã mất ít ra là hai năm. Còn muốn viết cho khá, có tài thành người, hoà-thanh giỏi phải hai năm nữa.

Ta không nên pi ân nân là lâu quá, thời-giờ trôi mau quá, vì học xong Harmonie, nghệ sĩ đã đi qua đi có một đoạn đường rất dài của Nghệ-thuật rồi.

GIÀO DỤC ÂM NHẠC GIÀO DỤC

DANH VĂN NGOẠI QUỐC

KẺ THÙ CỦA TỬ' SAN

(G. K. CHESTERTON)

THÁI MẠC dịch

L. T. S. — GILBERT KEITH CHESTERTON (1874-1936) là một văn hào người Anh, vừa là một nhà văn tiểu luận, một thi-sĩ và một nhà phê bình. Sau khi thôi học ở trường mỹ thuật Slade, ông nhập tịch làng báo, chuyên viết phê bình mỹ thuật. Ông viết rất dồi dào một thứ văn vừa cứng cáp hài hước và tràn đầy nhiệt huyết, về những vấn đề rất khác nhau. Với một hình thức ruộm rà nghệch-luận ông bênh vực chủ nghĩa tôn giáo và thiên-chúa, giáo chính-truyền, ở đó, theo ý ông, có cái gì là bất ngờ nhất trong cuộc đời. Ông viết ra rất nhiều: những tập thơ tình sáo, mạnh mẽ và thực khôi hài; những tiểu-thuyết là những thiên thêu-dệt vui vẻ bằng những truyện ngộ nghĩnh sung sướng; những bài tiểu luận và ký sự hợp lại, thành những tập rất có giá trị; những thiên khảo cứu và phê bình sâu sắc và khôi húng về văn chương và mỹ thuật.

Trong những tác phẩm, cuối cùng của ông ta hãy kể: Impressions d'Irlande (1919), la Superstition du divorce (1920), les Usages de la variété (1921), les Maux de l'eugénisme (1922), l'Homme qui en savait trop, Caprices et Fantaisies, Saint François d'Assise.

Trước hết tôi cần phải giảng-giải đề cho các ngài đồng ý về nghĩa hai chữ lý-tưởng Bởi vì có nhiều độc-giả thấy tôi bày ra lý-tưởng là nghĩ ra ngay một lý-tưởng mới lạ. Thế mà nào tôi có dám thế đâu. Các nhà nguy-biến biện đại dù có điên đờ đến quá nữa cũng không thể ve ra một lý-tưởng khả dĩ làm cho người ta kinh ngạc bằng việc đem thực hành các lý-tưởng có sẵn từ trước. Nếu một ngày kia, các phép tắc, vừa trẻ con, vừa thực tiễn, của khoa lễ mà đem ra dùng cả thì mọi nước trên thế-giới sẽ rung lên như động đất. Ở dưới bóng mặt trời này, việc làm mới lạ chỉ còn có một: ấy là đứng nhìn vững thái-đương. Một buổi giờ tanh ngắt tháng sáu các

ngài thử mà xem, số hiệu tại sao loài người không dám nhìn thẳng các lý-tưởng của mình. Dùng lý-tưởng thì chỉ có một cách la lung thật la lung: ấy là đem nó ra mà thực-hành, đem nó ra cho chạm trán với sự-khốn chối lợi và các kết quả khủng khiếp của chúng. Chúa Giê-Su cũng đã hiểu rằng bỏ pháp-luật thì chẳng có chi là lạ mà theo cho đúng mới là việc thần-dị. Những người không có đạo vẫn hằng thờ kính trong sạch: thần Athena Artemis, Vesta chẳng hạn. Nhưng đến khi các cô đồng trinh từ về đạo mạng ra thực hành triệt để thì bị họ đem ra cho ác vật sặc sặc và lăn trên than hồng. Thế giới vẫn hằng yêu cái tư tưởng lấy kẻ nghèo làm trọng. Bao nhiêu truyện truyền kỳ đều chứng tỏ như rùa, từ Serella cho đến Whittington, bao nhiêu thơ ca cũng vậy, từ Magnificat cho đến Marseillaise. Thế mà trong cơn giận dữ, các vua chúa chẳng trách nước Pháp đã nuôi lý-tưởng đó, mà trách đã đem ra thực hành. Vua Joseph ở Áo, hoàng hậu Catherine ở Nga công nhận là dân vi-tiên: nhưng họ kính tởm vì dân thánh «vi-tiên» thật. Cuộc cách mệnh Pháp, vì đó thành mô-dạng cho các cuộc thật là cách mệnh. Vì tuy lý-tưởng của nó bằng tuổi bố Adam nhưng thực hành lý-tưởng ấy cũng thần thông quái dị, cũng mới mẻ như thành Tân-Giê-ruy-da-lem.

Đầu đề bài tiểu-luận này bắt tôi chọn một trong những lý-tưởng cũ kỹ đó; mà có lẽ là lý-tưởng cũ nhất: nguyên-lý của gia-đình, lý-tưởng (Xem tiếp trang sau)

Khoa-học ấy tuy khó khăn nhưng, đối với nhạc sĩ đẹp để hết sức nên theo François Bazin là: « một nghệ-thuật thần diệu mà tất cả những tâm hồn siêu việt yêu mến, nghệ thuật duy nhất mà người ta mong ước được thấy lại trong cái thế-giới khác tốt đẹp hơn ngày nay, vì thử người ta có quyền mong ước. »

Học Harmonie khó nên ít ra phải từ 15 tuổi mới nên bắt đầu học, vì từ cái tuổi ấy, người ta mới hy-vọng thấu-hiểu cái học cao cấp về âm nhạc được.

Nói tóm lại định theo đuổi một mục-dịch khó khăn, để đem cho đời sống của mình một ý-nghĩa thiêng liêng, nghệ-sĩ phải qua những ngày tháng chuyên cần làm việc khắc khổ công phu. Sự đó dễ hiểu lắm: Định làm một soạn-nhạc-gia là muốn giữ một địa-vị cao quý hơn hết trong thế-giới âm nhạc. Nhà soạn-nhạc đứng riêng biệt, cao hơn hẳn người chơi đàn, hay người hát một bài. Đây là bộ óc chỉ huy, và các nghệ-sĩ kẻ sau chỉ là cơ quan hành động. Họ chỉ cố diễn-tả một cách khéo léo, tài giỏi, trung thành những cảm-xúc chối lời, hay êm dềm của nhạc sĩ có tài đã tạo nên bản đàn cho thính giả hiểu thấu. Tuy thế họ cũng giữ địa-vị quau trọng: Họ có diễn-tả giỏi, thiên tài và tài năng nhà soạn nhạc mới phát-hiện được, cũng như vở kịch hay phải cần tài-tử giỏi, diễn kèm, đóng trò vụng làm giảm rất nhiều giá-trị của vở kịch.

Người soạn nhạc có tài sáng-tạo diễn mới lạ, làm tiến nghệ thuật một cách trực-tiếp người hát hay chơi đàn chỉ giúp một cách gián tiếp mà thôi. Trong những cơn đường chưa ai đặt chân tới, nghệ-sĩ có thiên-tài đặt chân đến, đi trước cả thời đại, tạo nên những bản đàn lời viết kỳ lạ, làm bọn đồng thời cảm-phục hay chịu ảnh hưởng, có khi, bị công-kích, đến mãi khi nghệ sĩ khuất đi, bọn hậu-sinh mới hiểu. Wagner, Beethoven đều là những nghệ-sĩ tự nhiên tạo nên một (Xem tiếp trang 17)

ÂM NHẠC GIÁO DỤC ÂM NHẠC

KÊ THU CỦA TƯ SẢN

(Tiếp theo từ kỳ trước)

gia đình, song sướng gia đình thần thánh trong lịch sử. Bây giờ, ta hãy nhận qua rằng ở thế kỷ này gia đình đó cùng với Gia-tô-giáo và Chính thể dân quốc đều bị các người chưa từng biết đến nó hay chưa thực hành nó, đem ra công kích. Nhiều người dân-bà phản-hàng, về phần lý-thuyết, đời sống trong gia đình vì họ chưa biết thực nó ra sao. Bọn nghèo thì bị đẩy từng đàn đến xưởng may mà không từng biết nữa của là gì. Tóm lại, giai cấp vô học-khác lúc đề xuất lý gia đình danh vọng của giai cấp cần lao gào hét đề vào trong:

Lấy cái nhà đổ hay gia đình đổ làm chột, ta có thể đại khái đào mống trái thần cho ý tưởng của ta. Mống đó rất dẫn đi. Thượng Đế là người không có gì mà cũng tạo ra được một vật.

Loài người thì bắt cứ cái gì cũng tạo ra được một vật. Hay nói khác đi, Thượng Đế vui vì có thể sáng tạo được không có hạn định nào, mà loài người thì vui vì có thể sáng-tạo trong hạn định, hay là có thể hòa hợp sáng tạo với giới hạn. Nghệ-Thuật chính là một cuộc tranh đấu đầy hứa hẹn, với giới hạn một trò chơi cao-thượng của phái thượng-lưu. Còn đại-chúng có thì giờ dẫu và phương-tiện dẫu mà tìm ra cái đẹp vô hình và trụy tượng. Đối với họ, ý niệm sáng tạo bằng nghệ-thuật chỉ có thể diễn tả bằng một ý niệm khác, ý niệm ấy ngày nay không và chuồng nữa: ấy là ý niệm về tư sản. Người bậc trung không thể cắt đất thò thành hình vườn tược. Thế rồi, dù họ có trồng điểm vườn bằng mấy luống *Lea geranium* đỏ hay hoa khoai tây xanh, họ vẫn là nghệ sĩ: vì họ đã chọn. Người bậc trung không thể vẽ cảnh mặt giới Việt hay họ ngấn ra vì màu sắc, nhưng họ có thể sơn vào nhà đủ các màu họ ưa. Và, dù họ có sơn xanh điểm hồng cũng vẫn là nghệ sĩ: vì họ đã diễn tả lối cách-thưởng

thức riêng. Tư sản là nghệ-thuật của bần dân chính thể ý-niệm về tư-sản, là mỗi người phải có một cái gì để có thể đeo gót theo cái thích của Giới. Vì người không phải là Thượng Đế, mà chỉ là hình ảnh bằng sương khói của Thượng-Đế cho nên chỉ diễn tả được có hạn. Thật ra, giới hạn đó vừa ít, vừa hẹp.

Tôi cũng biết rằng ở thời này, hai chữ « tư sản » đã bị những thói tha của bọn tư-bản làm lem blem. Cứ nghe miệng người, thì bọn Rothschild với Rockefeller là vào đảng với tư-sản. Nhưng thực ra thì họ là kẻ thù của tư-sản: vì họ là kẻ thù của chính những giới hạn của họ. Họ có thừa ruộng đất dẫu họ có dẫu: họ chỉ thêm ruộng đất dẫu người khác. Lúc họ nhấc các móc đất dẫu tư-sản của người hàng xóm, thì họ cũng nhấc cả móc của mình đi. Một kẻ yêu một thửa ruộng bình mẻo, tất yâu nó vì nó có hình mẻo. Ai phá hình đó đi, bằng cách thêm đất, ấy là người vắn cắp: họ đã ăn cắp một cái hình. Người nào, thật hiểu biết ý-nghĩa, có thì vị của sản hữu, tất ưa ngắm giãi tường ngăn vườn nhà với vườn anh Smith, ngắm bức rào ngăn trại mình với trại của Brown. Họ tất không thể ngắm hình thù miếng đất của mình, mà không xem giới hạn của các ông hàng xóm. Cho nên bảo rằng Quận công Southerland, bao nhiêu ấp trại ở trong hàng tinh là của ngài cả, tức là bảo rằng tư-sản của ngài chẳng có gì hết: cũng y như chuyện nếu bao nhiêu dân bà ngài đều nạp vào cung cả, thì làm gì còn có hôn nhân nữa.

(Còn một bài, kỳ sau đăng tiếp)

THÁI MẠC dịch

Ô-TÔ NHÀ LẦU,
CÁI MỘNG ĐỎ
SẼ THÀNH SỰ THỰC
NẾU CÁC NGÀI MUA VẼ SỐ ĐỒNG PHÁP (15)

GIAO DỤC AM NHẠC

(Tiếp theo trang 15)

lỗi viết tân-kỳ, làm bọn người đồng thời mãi sau mới được hiểu.

Từ mấy thế-kỷ nay, bao nghệ-sĩ có chân-tài lẫn lượt nối gót nhau làm rạng rỡ nền Âm-nhạc, tìm cách phát triển khóa Harmonie đến cực-độ, khiến cho ta có thể nói: Cái-mo- quý đã hầu hết nguyên-liệu mà khai-phá. Tìm những luật hóa thanh mới lạ, chưa từng nói đến, hay sửa đổi chỗ những luật ấy hoàn-toàn hơn, đều là những tham-vọng khó thực-hiện hết sức. Cho nên, Lavignac cho rằng, ngày nay, nền Âm-nhạc đã đến một lúc phát-triển cao đẹp đến tột-bực, người ta rất ít hy-vọng tìm cách leo cao hơn nữa. Ở trường hợp này, cũng như ngành văn chương hay Hội Họa, Âm-nhạc phải rẽ sang một hướng khác và đổi chiều hẳn.

Từ mấy thế-kỷ, bao nhà soạn nhạc đã đem nền Âm-nhạc tới một trình-độ cao lắm, nên rất có thể ngày nay, ngành nghệ thuật này rẽ hẳn sang một hướng khác, cũng ví như đã leo đến đỉnh ngọn núi, tất cả bọn nghệ-sĩ lại rủ nhau rẽ xuống thung lũng, hái các hoa đẹp khác, tìm nguyên-liệu khác để cống hiến cho Nghệ-thuật.....

Cho nên, Âm-nhạc đổi hướng luôn người soạn nhạc có tài là người giúp vào công cuộc tiến-hóa ấy, thu gộp những tài-liệu xây dựng nên một tác-phẩm vĩ-đại, và tạo nên từng phái Âm-nhạc theo khuynh-hướng của mình. Ta đã thấy về cuối thế kỷ thứ XVII, nghệ-thuật cổ-diễn này, nở rộ đến cực-độ với phái Âm-nhạc Pháp Rameau và Lully, cùng phái Âm-nhạc Đức: Bach và Haendel đại diện, phái Âm-nhạc Ý: Scarlatti và Pergolèse. Mỗi phái đi một hướng khác nhau, và là công trình của những thiên-tài kể trên, cũng làm rạng rỡ cho nền nghệ-thuật.

Nghệ-sĩ có chân-tài, khi đã thấu hiểu cái sự-mệnh cao quý của người Soạn-nhạc, không bao

giờ nên ngại công phu học-tập, rèn luyện, để một ngày kia, tài-rõ-rào, sức-tích, có thể phiêu-lưu vào những hướng mới lạ, chưa ai đặt chân tới, can-đảm tìm cái hay, đẹp tân-kỳ, đem công-bố lên, tạo nên những tác-phẩm vĩ-lí, nghĩa là luôn luôn phải sáng-tạo mới xứng đáng là Soạn-nhạc-gia có tài, có học-vậy.

Ngành học âm nhạc đã cao quý, người Soạn-nhạc lại chiếm địa-vị khó-khăn và cao cả hơn hết, là làm tiểu nghệ-thuật một cách trực-tiếp, nên sự học-lẽ dĩ-nhiên là công-phu. Nhưng, với sự kiên-tâm và tài-hóa Trời-trao cho, người thanh-niên khá, biết yêu Âm-nhạc, bao giờ cũng có rất nhiều hy-vọng đạt tới mục-đích.

(còn một kỳ nữa đăng hết)

Văn - Hoa



25 Aout có bán

Hai Bà Trưng

— KHỞI NGHĨA —

— Tác giả: NGUYỄN TẾ MỸ

— Những lực lượng nào đã giúp Hai Bà Trưng chiến thắng? Và những nguyên nhân nào đã làm ra sự thất bại của hai bà?

— Trình cách cuộc khởi nghĩa là do là tình cách gì? Ảnh hưởng của nó trong xã hội Việt-Nam dưới quyền đô hộ triều Hán và sau

ĐÀN THUYỀN

74, Phố, Quận, Hanoi

Trích thuật sách báo

TRONG ĐỨC

Nền Hội-họa Pháp từ 1900 đến 1939

(Theo Pierre du Colombier, trích đăng trong tuần báo Indochine số 27 Juillet 1944)

... Lịch-sử hội-họa trong những năm trước cuộc chiến-tranh 1914, đầy một sự xao xuyến lạ lùng. Những thay đổi rất táo - bạo xó đầy, kế tiếp nhau. Người ta đặt tên cho chúng bằng những danh-từ có « isme » ở sau. Cũng chính ở thời bấy giờ mà nổi danh những bậc kỳ-cựu của làng hội-họa Pháp còn sống đến bây giờ. Ít lâu trước năm 1900 bắt đầu phong-trào symbolisme (tượng-trưng) tự những bài học của Gauguin sinh ra, và do Maurice Denis báo hiệu trước Vuillard, vừa mới chết, và Bonnard đã già lắm nhưng nghệ-thuật vẫn không mất tính cách trẻ-trung đều xuất-thân ở trường đó ra. Chủ-nghĩa néo-impressionisme (tân-ấn-tượng) rạng-rỡ với thiên-tài lạ lùng và sớm tắt của Seurat. Vài năm sau sinh ra phái fauvisme với những chiến-sĩ Matisse, Marquet, Derain, Dufy, Vlaminck, Rouault, Dufresne. Đến năm 1908, nổi lên phong - trào táo-bạo nhất, phong-trào lập-thể (cubisme), ngành ở Pháp có nhà hội-họa Braque, ngành ngoại-quốc với Picasso. Táo bạo nhất vì, ít ra ở Picasso, thuyết lập-thể mưu gạt bỏ hết mọi cái gì không phải nét hay màu, làm cho nó thành một nghệ-thuật không có tính-cách mô-phỏng, chính từ đó mà phát sinh ra một hướng đi giữa các họa-sĩ và công-chúng.

Những năm giữa hai cuộc chiến-tranh, nhất là những năm đầu, ghi lại một sự hưng-thịnh vật-chất chưa từng có cho các họa-sĩ. Sự giàu-cơ của những con buôn và khách hàng lên đến tột bậc, tuy có lợi cho nhiều người nhưng về tinh-thần không phải bao giờ cũng tốt. Không hỏi neo người ta thấy sản-xuất ra nhiều thiên-tài bằng tác này, mà cũng không bao giờ nhiều thiên-tài sớm sa-đọa đến như thế. Xét về toàn-thể, cái thế-hệ ra đời hồi bấy-giờ, và đến nay đã ngoài năm mươi năm, nhiều lần đã bị chê cười. Nhiều nghệ-sĩ của thời đó được ghi danh như thuyết lập-thể mà rồi lại rồi bỏ nó dần dần, và thuyết đó tưởng như đã cách-mệnh cả nền

hội-họa, kết cục tìm nơi ăn-náu tầm-thường ở những nghệ-thuật trang-hoàng. Đồng thời, thị-hiến của các nghệ-sĩ, phát-triển do sự ham-thích sách có họa-bản của độc-giả, mang lại một sự phục-hưng tốt - đẹp về thuật chạm khắc với tên chót lợi của André Dunoyer de Segonzac.

Tuy nhiên, trong khoảng hai mươi năm đó, một thế-hệ khác cũng không đủ thì giờ nảy nở. Những bậc huy-nh-trưởng tuy đã ngoài bốn mươi tuổi, vẫn được người ta coi là « trẻ ». Cho dù họ vẫn còn ở trên đường giốc đi lên, họ cũng đã sống vất vả hơn những người trước, vì cuộc kháng - hoảng bắt đầu từ năm 1931 đã chạm đến họ một cách tàn-nhẫn. Ta không nên tiếc lắm.

Tài-năng nhiều đấy nhưng-hình như ta không thấy ở họ những nhân-vật lỗi-lạc, quẩn-rũ như ở những bậc đàn anh của họ. Tâm-trạng họ ra sao ?

Tôi tưởng nhận thấy trước hết một sự chán nản lý-thuyết cứng-cực. Chỉ từ khoảng năm 1925 mới có một phong-trào văn « isme » để người ta chú-ý, đó là phong-trào stéréalisme (siêu - hiện - thực), nhưng phong-trào này nguồn gốc ở văn-chương và thi-ca, chỉ ngẫu-nhiên mà ảnh-hưởng tới các nghệ - thuật diễn-họa (arts-plastiques).

Hình như các họa-sĩ hiện thời vẫn còn rụt-ràng việc sửa lại những câu đố giữa nghệ-sĩ và công-chúng mà phái fauvisme và phái cubisme đã vượt lòng phá-hủy. Nghệ-thuật không lên-biểu đối với con mắt họ không có lý-thứ, họ lại bắt đầu luyện-tập những loại, như loại vẽ chân-dung, trước kia rất bị sa-ơ-nhãng. Và những khuyến-hướng của họ hình như tới cả các bậc đàn-anh, trừ phi — điều này rất có thể có được — những người này đã tự vạch lối đường đi. Những cuộc triển - lãm gần đây của Matisse và Dufy không làm cho công-chúng sống-sốt bằng như năm 1914, thế mà không phải vì công-chúng đã quen họ. Người ta đã thấy Derain vẽ những bức chân-dung rất cổ-kinh và những phong-cảnh xứ Provence mà tinh-thần không khác tinh thần của Nicolas Poussin là mấy.

Niên-kỷ 1939 liệu có quan-hệ gì cho nền hội-họa không? Quả quyết rằng có thì lẽ cũng táo-bạo, những cuộc cách-mệnh xảy ra ở địa-hạt nghệ-thuật không như ở địa-hạt chính trị hay kinh-lẽ. Cho dù có thì cũng chỉ trong vài năm nữa mới biết được. Những cuộc biến-động như thế ảnh-hưởng tới mỗi chúng ta tùy theo công việc ta làm, các nhà họa-sĩ tất-nhiên đã nghĩ về hội-họa. Có thể một ngày kia những sự suy-ngĩ của họ kết thành quả...

Nền điêu-khắc Pháp (1900-1939) (Cũng số báo Indochine ở trên)

Quang cảnh nền điêu-khắc Pháp trong những năm đầu thế-kỷ này, có vẻ khác hẳn nền hội-họa. Ở kia những bờ gờ đường thẳng tiếp với những vực sâu, ở đây những đường gờ lồi rất cao, nhưng một cách tuần-tự, đều-hòa. Ở đây sự phát-triển hết như ở những thời trước. Sinh-khí thực không thiếu, nhưng những nguyên-tắc không mỗi ngày lại kiểm điểm lại. Thật ra điều hay đó một phần do ở chỗ điêu-khắc là một nghệ-khố mà ngẫu-nhiên thành như nghệ hội-họa và không dễ để cho người ta luôn luôn táo-bạo được; người ta nghi-ngại lắm phi hơai một tăng đá hoa hơn là một mảnh vải hay một tờ giấy.

Hình-ảnh vĩ-dại của Rodin dựng lên, uy nghi, ở đầu thế-kỷ. Nhà cái cách điêu-khắc không những hoạt-động bằng việc mình làm mà còn bằng những điều giáo-huấn. Không phải là ông có khuynh-hướng đào luyện môn-đồ, nhưng vì ông cần đến những người giúp việc nhất là để chạm-chỗ vào đá mà nhà nghệ-sĩ nhiệt-thành đó không ưng chút nào.

Phần nhiều những nhà điêu-khắc nổi danh trong ba mươi năm đầu thế-kỷ này, và nhiều nghệ-sĩ khác hiện nay vẫn còn nhớ lại, đã dự vào cuộc tập-luyện kỷ điển kia. Sau Bourdelle, nhà điêu-khắc có sự ưa thích cô-thể quá đáng tuy-nhiên đã sản-xuất được vài pho tượng trong những pho đồ-sộ tuy-ét-tác nhất thời này, đến Charles Despiau nhà điêu-khắc có tiếng nhất trong những người đã thụ-giáo Rodin, và là một nhà khắc tượng bán thân vô song đã tạo được những bộ mặt đầy vẻ linh-hoạt đi đôi với một phong-thể thuần-túy. Nhà nghệ-sĩ này có ảnh-hưởng xấu-xa tới thanh-niên. Có người đã trách rằng cái ảnh-hưởng đó rơi ở phạm-vi điêu-khắc bên trong, điêu-khắc « trong buồng », nhiều hơn ở phạm-vi điêu-khắc đến-đất vĩ-dại.

Maillol, một bậc-hầy khác không chịu ảnh-hưởng gì của Rodin, hiện nay đã tám mươi tuổi, đang sống nổi một cuộc đời hiền-giả và cẩn-cù trong phòng làm việc Banyuls cũ ông. Ông bắt đầu ở hội-họa và chịu ảnh-hưởng của danh-sư Renoir, ông này lúc

vẽ già thì tản-lạc sang ra nghề điêu-khắc, chỉ dành cho một viên trợ-thủ làm việc nặng tượng. Đi ngược lại Despiau, Maillol không chuyên chạm mắt người, có rất nặng những tượng phụng-nữ đặc-biệt, vĩ-dại, bề-thể, có những bộ chân nặng-nề, với một vẻ đẹp trường-chang cho loại đó, tuy-nhiên có linh-cách vì căn lạ thường. Uy-danh của Maillol vang khắp thế-giới và có nhe ảnh-hương của ông ở ngoại-quốc, nhất là ở Đức và Thụy-sĩ, nhiều hơn ở nước Pháp.

Maillol và Despiau làm tiêu-chuẩn cho môn-phái nước Pháp trước thế-giới, nhưng hai ông đã không làm lu-mờ những nghệ-sĩ khác ở chung quanh. Các nhà điêu-khắc đủ hạng tuổi xen nhau theo hai ông, rất nhiều và hoạt-động. Trong những cuộc triển-lãm chung cho họ một tinh-thần cường-tráng lan tỏa. Tuy-nhiên, điều nghịch-lý là những công-trình tạo tác có giá-trị lại hiếm ở nước Pháp một phần vì những nghệ-sĩ cự-phách lại ít khách hàng, phần nữa vì những nghệ-sĩ đó không quan-tâm đến vấn-đề căn-bản là sự hòa-hợp nghệ-thuật điêu-khắc với nghệ-thuật kiến-trúc. Điều đó rõ-rệt khi người ta lập dài kỷ-niệm trận đại-chiến 1914-1918. Tuy-nhiên với sự kích-thích của những bậc đàn anh như Pierre Poisson, hình như những nghệ-sĩ trẻ tuổi đã nhận rõ chức-vụ trang-hoàng của nghệ-thuật điêu-khắc. Một sự khảo-cứu tường-tận về những phần bi-ấn nhất của nghệ-thuật đó sẽ ngăn-ngừa mỗi ngày-hiếm mà khuynh-hướng kia có thể mang lại được.

Mới đây sự hủy bỏ một số những tượng đồng kém mỹ-thuật đã đem lại cho thế-hệ sắp tới một trường hoạt-động bất ngờ. Là vì sự hủy bỏ đó giải-phóng những nơi đẹp cần được trang-hoàng, không phải bằng những tác-phẩm đồng loại, mà bằng những công-trình khả-dĩ tô-diễm được cho các đồ-thành. Nếu những nhà cầm quyền biết lựa chọn thì không thiếu gì nhà điêu-khắc hưởng-ứng và người ta có thể biết trước được rằng các nghệ-sĩ đó sẽ không làm cho người ta thất-vọng vì họ vừa đủ khiêm-lốn vừa đủ tự-hào để làm việc theo một chương-trình tốt đẹp và tận-tâm vào đó.

TRỌNG-ĐỨC

CÁI CẢI NH

Trong bài này, tựa g. 18, cột 2, dòng 8: Một thể hệ khác của... không... thì giờ này... đã... cũng đủ...

Cũng trang, cột đó, dòng 32: ...khuynh hướng của họ hiện như tới cả các bậc đàn anh, xin đọc: khuynh hướng của họ hình như ảnh hưởng tới cả...

MỘT SƯỜNG LÀM GIẤY

dùng sức nước ở mạn ngược

TAO HOAI

Năm năm giới, giữa nơi rừng và nước độc thuộc đồn điền Đồng-Bầm tỉnh Thái-Nguyên, sau bốn lần thất-bại, với bao nhiêu trở lực, một người Tàu, nhờ sự kiên chí gan dạ, đã lập được một sường máy làm giấy dùng sức nước của một giòng suối chảy ngay gần mỏ sắt Linh-Nham.

Tất cả sường gồm có bốn ngôi nhà trống bằng tre và lá, không kể một gian nhà để ở, dựng trên một khoảng đất cao chừng quanh là rừng, ở bên một giòng suối. Hai ngôi nhà chính, ngôi quan trọng nhất, chứa hai thùng nấu bột giấy và một máy nghiền bột giấy, ngôi thứ hai là nơi đặt mười hai *tàu seo* (1), còn hai ngôi nữa là những nơi ép, phơi và chứa giấy. Ngoài ra lại có một lò vôi cách đây không xa và ngay cạnh sường là hai hồ tre và giang chẻ nhỏ ngâm lẫn với vôi để sau độ hai tháng đem nấu lẫn bồ-tạt (potasse) rồi dùng máy nghiền thành bột giấy.

Nói tóm lại, phương pháp làm giấy, đi từ nguyên liệu (tre, giang, vôi, bồ tạt) cho đến tạo phẩm (một thứ giấy màu vàng vàng, mặt thô kệch) không có gì đặc biệt, khác ở miền xuôi, duy có vài điều sau đây đáng cho ta chú ý.

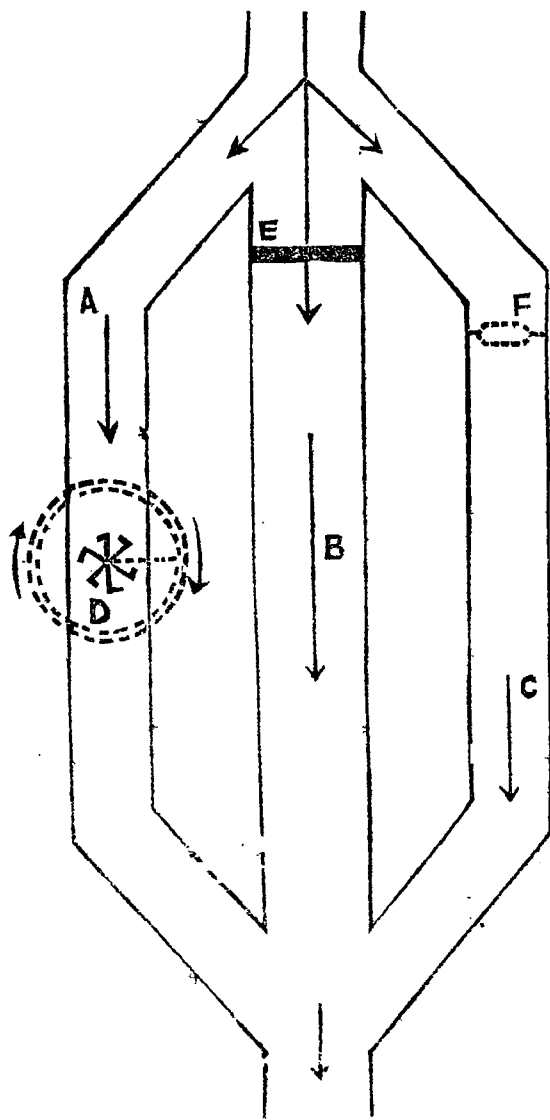
Điều thứ nhất là sường làm giấy ở mạn ngược, một nơi thuận tiện vì các nguyên liệu cần thiết tập trung lại: tre và giang lấy ở rừng chung quanh, vôi nung ngay bên cạnh núi đá vôi. Nếu có một trở lực thì là trở lực về nhân công, bệnh sốt rét ngả nước đã khiến cho một số thợ ta mà chủ nhân cất công về mượn tận

ở làng Bưởi phải khiếp hãi và bỏ về xuôi. Nhưng chủ nhân đã thay vào đó bằng những thợ người tàu hoặc người thổ, tất cả độ ba bốn chục, họ đã quen sống ở đường ngược rồi. Vì những điều kiện ở trên mà giá vốn được hạ và có lãi nhiều, nhất là khi giá bán giấy trước kia chỉ hai mươi đồng một muôn nay đã cao lên tới ba bốn trăm, trong lúc đó giá nguyên liệu không tăng lên là mấy. Theo lời ông Bình-Phật, chủ nhân, thì lãi có thể tới 100%, nhưng xét ra sự thực hình như chủ nhân không bao giờ tính toán phân-minh ra từng món. Duy một điều có thể cho ta phỏng đoán là sau lần thất bại cuối cùng, nhà cửa đồ đạc bị nước suối bất ngờ dâng lên chôn hết sạch, chủ nhân đi vay được một vạn đồng-làm vốn, thế mà chỉ một năm sau công nợ đã giả xong. Tuy-nhiên ta cũng nên nghĩ rằng sự tiêu-thụ thứ giấy thô sấu kia có nhẽ vì chiến tranh mà chạy được, mặc dầu chủ nhân đã nói trước chiến tranh giấy đó vẫn bán sang Tàu được (2). Hiện giờ chính chủ nhân cũng chỉ biết bán cho người ta nhất là về mạn Hải-phòng mà không biết họ dùng giấy của mình để làm gì (chúng tôi đoán chỉ dùng để gói hàng bay để độn vào những hộp giấy đựng chai thủy tinh chẳng hạn), cứ

(1) *Tàu seo*, tiếng nhà nghề, là một cái bể đựng nước lẫn bột giấy, *seo* là lấy một thứ khuôn có lòng làm bằng một thứ mảnh mau nan, ở vùng Bưởi người ta gọi là *liềm*, để tráng nước bột-giấy lên trên, bột đọng lại theo hình khuôn thành tờ giấy.

(2) Tôi tiếc rằng nghe ông Bình Phật nói không được rõ lắm, hình như giấy đó bán về Tàu để dùng vào việc hút thuốc (7) của người Tàu.

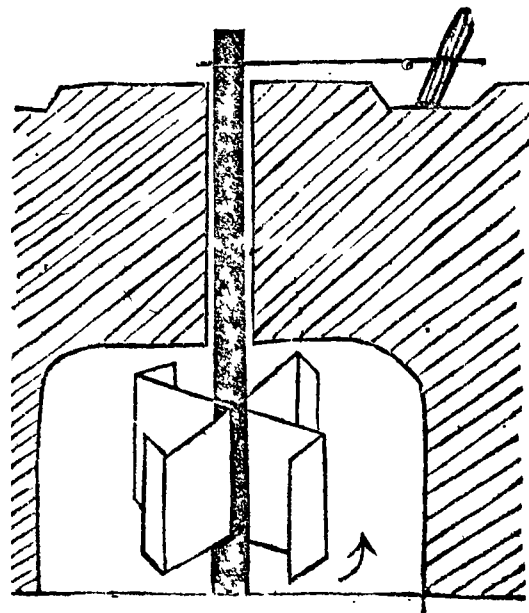
vài tháng lại một chuyến bán, bầy chờ ra tỉnh
lị Thái-nguyên cách đây chừng mười cây số.
Số hàng xuất sản cũng khá, theo lời chủ nhân
thì trung bình mỗi ngày 12 người thợ seo có
thể seo được 4 kiện giấy mỗi kiện là 3000 tờ.



HÌNH 1

Điều thứ hai đáng chú ý, mà cũng tự ở điều
thứ nhất ra, là việc dùng sức nước chảy của
giòng suối để làm quay máy nghiền bột giấy.
Ta cứ tưởng tượng, giữa một nơi hoang - vu
không có dụng-cụ nào khác là tay người mà hẳn

ngang được một giòng suối (xem hình 1 — B)
rộng chừng ngót chục thước, chống lại một
sức nước chảy không phải là nhỏ, về mùa nước
cao, với một con đập (E) làm bằng những tảng
đá lớn và gỗ chống rất nhiều; rồi lại khơi được
hai con lạch, lạch thứ nhất (A) để dẫn nước
qua máy (D). lạch thứ hai (C) để cho bè nữa và
gỗ vẫn qua lại như thường với một cái cửa (F)
để khi nào nước nhỏ thì đóng lại, chỉ mở lúc
nào bè qua; biết bao nhiêu công-trình và kiêu
tâm nhất là khi trông thấy là nước to làm chới
bằng cả gỗ lẫn đá thả ngang giòng, rồi lại phải
tính toán — dù chỉ là thô-giản — thế nào cho
giòng lạch đủ giốc để sức nước về mùa cạn
cũng đủ làm quay máy. Máy (hình 2), tuy thô-



HÌNH 2

sơ mà nghe nói cũng phải đặt làm tự bên Tàu
trước hồi chiến-tranh, gồm có một thứ guồng
bằng gỗ thả dưới lạch cho quay bằng sức nước
với một cái trục cao xuyên qua một cái nền
bằng gạch zao sáy ngang trên lạch, trục đó quay đi
làm quay theo một cần gỗ ngang ở đầu là một
thứ bánh lăn bằng đá nặng vừa quay xung

(xem tiếp trang 23)

quanh mình vừa quay theo cầu gỗ trên một đường rãnh vòng tròn lòng bằng đá đặt trên nền gạch. Chính ở đường rãnh đó bánh đá kia nghiêng bột giấy tấp lá tre và gang đã ngấm vào và nắn cho mềm từ trước. Sức quay của máy, nghe chủ-nhân nói, nhanh như xe ô-tô chạy vậy (?), nhưng chính hôm chúng tôi đến thăm xưởng thì nó chạy không được nhanh lắm vì nước suối lên to làm mực nước giồng trên giồng dưới gần ngang nhau và sức chảy vì đó chậm đi. Dù sao nếu ta nghĩ đến ở vùng Yên Thái (làng Bưởi) người ta đã thử lấy sức người để giã bột giấy (tre, nứa) vì đó mà tốn thêm ra bao nhiêu nhân-công mà bột cũng không nhỏ lắm thì ta thấy chiếc máy thô-sơ của ông Bình-Phật cũng đã là một bước tiến bộ lớn rồi vậy. Tôi lại nghe nói ông Bình-Phật cũng chỉ là bắt chước những người Tàu ở vùng Quảng-Yên, Hà-Cối ở đó hình như đã có vài trăm xưởng làm giấy cũng biết dùng sức nước chảy như ở đây (3).

Dẫu sao cái guồng máy nhỏ kia đã khiến cho tôi nghĩ đến biết bao nhiêu thác nước ở xứ Đông Dương này, nhất là ở vùng Ai - Lao, một nguồn nguyên-động-lực vô-tận giúp ích cho cuộc kỹ-nghệ-hóa mai đây.

Nhưng một điều mà tôi muốn nói đến nhiều hơn là tấm gương kiên-nhẫn và gan-dạ của người khách-trại giảng-hồ kìa, sống ở đất nước người, không-quản bao nhiêu lần thất-bại, có khi khánh-khiet cả tài-sản với bao nhiêu trở-lực khác ở vật và nhất là ở người, từ bỏ bao nhiêu việc làm khác ít rủi và có lợi hơn mà ông cũng đã-từng làm như đốt than buôn gỗ, để hết tâm theo đuổi một công việc mà ông ta thích với một ý-kiến hường-bình là « không muốn mang tiếng thất-bại với mọi người ».

TẢO HOÀI

(3) Tôi rất mong một bạn nào tiếp ở vùng này viết cho chúng tôi được biết về những xưởng máy đó nếu quả có như lời ông Bình-Phật đã nói.

ANH HOA

69, phố Hàng Than. HANOI

ĐÃ PHÁT HÀNH :

TRUONG CHI

Kịch thơ của VŨ HOÀNG CHUÔNG

Một truyện tình đẹp,

Những lời thơ đẹp

Trong một tập sách đẹp

In trên giấy thượng hạng

Bìa và ba phụ bản của Thi-sĩ BÌNH HƯNG

VŨC THAM

Đời một người con gái

của NGUYỄN HỒNG

ĐÃ KHỞI CÔNG :

ĐÔNG CHU LIỆT QUỐC

ĐÃ PHÁT HÀNH :

Văn chương = và xã-hội =

của LƯƠNG ĐỨC THIẾP Giá 2\$50

ngiên cứu về nguồn gốc văn học và nghệ-thuật
Tình cách dân-cấp trong văn-học Việt-Nam. Xã
hướng xã-hội trong văn-học Việt-Nam hiện đại

ĐANG IN : KHÔNG GIẢO VỚI ÔNG ĐÀO
DUY ANH nghiên cứu của NGUYỄN UYÊN DIEM

VIẾT VÀ SỐNG bình luận về văn học Việt-nam
của NGUYỄN XUAN HUY

CÒN MỘT ÍT : MỘT TÔI, tiểu thuyết gia-định
của NGUYỄN KHẮC MÃN GIÁ 3\$80—VĂN HỌC
VÀ TRIẾT LUẬN của bà MỘNG SƠN GIÁ 2\$50

ĐẠI HỌC THỰC XA

181, Bd Henri d'Orléans, Hanoi

— Giám đốc : LÊ MỘNG CẦU —

LÔI VŨ

PI KỊCH CỦA TAO NGU

ĐẶNG THÁI MAI dịch

MÀN THỨ NHẤT (tiếp theo)

Xung — Kia! anh.

Bình — Em đây à.

Phồn y — (vẻ khó chịu) Bình!

Bình — A! mẹ..... mẹ cũng..... xuống đây....

Phồn y — Vừa xuống xong.

Bình — (quay về phía Xung) ba ở nhà chứ?

Xung — Ở nhà. Anh định gặp ba ư?

Bình — Ừ. Trước lúc đi anh muốn bàn với ba vài việc. (đi vào bàn giấy)

Xung — Anh hãy khoan vào.....

Bình — Ba làm gì trong ấy.

Xung — Ba còn có khách. Vừa giờ em thấy ba, ba bảo chờ đây, lát nữa ba ra.

Bình — Thế thì anh về phòng viết vài bức thư đã.

Xung — Anh hãy khoan một tí. Mẹ em bảo đã lâu không thấy anh; anh ngồi lại nói chuyện đã nào.

Phồn y — Thôi, con đề anh con đi về nghỉ..... Anh ấy cần được yên tĩnh.

Bình — Không phải thế. Nhưng tôi tưởng ba về mẹ sẽ hạn việc cho nên.....

Xung — Mẹ em đau đấy, anh biết không?

Phồn y — Mẹ đau thì đau chứ anh con quan-tâm gì đến?

Xung — Kia! Mẹ!...

Bình — Mẹ đã bớt chưa?

Phồn y — Cảm ơn, sáng nay đã xuống thang gác được.

Bình — Thế thì hay lắm. Ngày mai, tôi định lên mỏ.

Phồn y — Thế ư? Bao giờ về.

Bình — Cũng chưa nhất định. Mai năm nữa cũng nên. Ba năm nữa cũng nên. Chao! Sao

phòng này hôm nay ci thế này?

Xung — Ấy là em mới mở toang cả cửa ra đây. Chiều hôm nay chắc hẳn là giống.

Phồn y — Thế anh Bình định lên mo làm gì?

Xung — Mẹ, mẹ quên rồi ư? chả là anh con học chuyên môn khoa mỏ.

Phồn y — (hỏi Bình) có phải vì thế mà phải lên mỏ không?

Bình — (vờ cầm lấy tờ báo giữa bàn đọc) Kề cũng nhiều lẽ: một phần là vì ở nhà lâu ngày nên chán chán thế nào ấy....

Phồn y — (Cười) con giai mà chưa có can đảm tí nào nhỉ?

Bình — Thế nào kia?

Phồn y — Nhà này có ma Bình quên rồi ư?

Bình — Không đâu ạ! Nhưng ở nhà lâu ngày, chán lại muốn đi.

Phồn y — (Cười) Nếu tôi là Bình, và người chung quanh đều làm cho tôi chán thì tôi cũng sẽ bỏ cái chỗ này mà đi nốt.

Xung — Mẹ đừng nói thế.....

Bình — Một ngời như tôi: mình đã chán ngắt với mình, thì còn nói gì chán với ai? (thở dài) Thôi, em ngồi đây, anh trở về phòng anh đã (đứng dậy)

(Cửa buồng mở nhẹ)

Xung — Anh hãy khoan; có lẽ ba đã ra đấy.

Tiếng nói ở trong bàn giấy: (Chu Phúc Viên đi ra) Tôi thì tôi quyết thế rồi đấy. Không phải bàn bạc gì nữa. Vâng, chào ngài, ngài về....

Bình và Xung — Ba.

Xung — Thưa ba, khách về rồi ư?

Phác Viên — (Gật đầu, lại gần Phồn y) Hôm nay sao mẹ xuống đây? Khỏe hẳn chưa?

Phồn y — Đau xoàng thôi, có gì đâu. Cậu ở mỏ về có khỏe không?

Phác Viên — Vẫn khỏe... Mẹ nên lên gác mà nghỉ. Xung, mày xem khi sắc mẹ hôm nay thế nào?

Xung — Mẹ con vẫn thế, có đau gì đâu!

Phác Viên — Ai bảo mày thế? Lúc ba vắng

nhà này có nắng lên thắm mợ không? (Ngồi xuống cái sofa)

Phồn y — Tôi xem cậu gầy đi kia đấy. À, trên mỗ nghe nói thợ đình-công, bây giờ thế nào?

Phác Viên — Câu chuyện yên rồi. Sáng hôm qua, chúng nó đã đi làm cả.

Xung — Thế sao bác Hải còn chờ ba ngoài kia làm gì?

Phác viên — Bác Hải là ai kia?

Xung — Con cụ Quý ấy mà. Năm ngoài cụ ấy xin việc cho bác ta, vừa rồi Hải làm đại-biểu cho bọn thợ, về đây...

Phác viên — Thắng ấy à? Nó còn nhiều chuyện lắm! Bàn giấy đã cách tên nó rồi.

Xung — Cách tên rồi kia! Thưa ba, con thấy anh ta có vẻ thông-minh, lanh-lợi, vừa rồi con mới nói chuyện với anh ta một lúc. Con tưởng: đầu anh ta có làm đại-biểu cho tụi thợ đình-công cũng chưa nên vội đuổi đi.

Phác viên — Chao! Bọn thiếu-niên chúng mày ngày nay, gặp một thằng thợ nói vài câu chuyện chưa đầu vào đầu là đã ngửa ngáy những đồng-tâm và thiện-cảm gì gì ấy! Hình như là cái mốt của bọn mày đấy.

Xung — Đây không phải là một câu chuyện mốt hay không mốt! Con vẫn nghĩ rằng bọn thợ đình-công đó họ tranh-dấu cho tất cả bọn thợ, thì chúng ta cũng nên biểu đồng-tình với họ. Vả lại nhà mình giàu có, sung sướng thế này, cần gì đi cướp cơm tụi ấy?

Phác Viên — (Trợn mắt lên) Mày biết xã-hội là cái gì không? Mày đọc được mấy bản sách nói về xã-hội, về kinh-tế rồi? Ngày xưa lúc đi du học bên Đức, tao đã nghiên-cứu xã-hội chả-ngừa kỹ-càng bằng mấy mày bây giờ ấy!

Xung — Thưa ba, con nghe nói có mấy người thợ bị thương trên mỗ hôm vừa rồi mà không được một đồng xu nào phụ-cấp cả.

Phác Viên — Xung! Tao thấy rằng hôm nay mày nhiều chuyện lắm! (Nói với Phồn y) Năm ngoài đến giờ, cái thằng Xung này, cũng học được mợ rồi đấy. (Xem đồng hồ) Nào, bây giờ mợ và

thằng Bình, thằng Xung còn muốn nói gì việc nó không nào? Chỉ mười phút nữa, là tôi lại có khách rồi đấy.

Bình — Thưa ba, vù vù rồi, con đã định vào hầu ba.

Phác Viên — Thế à? Có việc gì đấy?

Bình — Con định ngày mai lên mỗ.

Phác Viên — Công việc đăng công-ty con đã tính toán xong với người ta chưa?

Bình — Gần xong rồi. Con muốn xin ba cho một công việc gì mà làm thì hơn. Con không thích chỉ đạo đi dạo lại và nhìn qua một tí là xong cả câu chuyện.

Phác Viên — Nhưng những việc nặng nề thì con làm thế nào? Nếu có định làm gì, thì làm cho đến nơi đến chốn. Tao không muốn rằng chúng mày bỏ bê công việc cho người ta cười.

Bình — Hai năm nay con ở nhà làm việc không thích tí nào cả. Bây giờ con muốn đi lên mỗ, lên chỗ rừng núi xem thế nào.

Phác Viên — Ừ. Nhưng đề tao nghĩ xem. Ngày mai, mày cứ lên trước đi. Bao nhiêu công việc, tao sẽ đánh điện tín sau.

(Phượng bưng khay chè Phồn-nhĩ đi vào)

Xung — Ba.

Phác Viên — À, còn mấy nữa, mày muốn gì kia?

Xung — Con muốn bàn với ba một việc khá quan trọng...

Phác viên — Thế nào?

Xung — (Cúi mặt) Con muốn đem một phần tiền học của ba cho con, đề...

Phác viên — Đề làm gì

Xung — Con định đưa cho...

(Phượng bưng khay trà đến).

Phác Viên — Phượng, — (bảo Xung) Mày chờ một tí đã rồi hãy nói — (nói với Phượng) Chén thuốc bảo mày sắc cho bà đâu?

Phượng — Sắc rồi đấy ạ.

Phác Viên — Sao không bưng lên?

Phượng — (nhìn Phồn y không giả lời)

Phồn y — Vừa rồi tôi bảo nó đồ đi, ư không uống.

Phác Viên — Sao lại đi? (Hỏi **Phượng**)
Thuốc đâu?

Phồn y — (nói thật nhanh) Đã đi rồi, tôi bảo con **Phượng** đi đấy.

Phác viên — Đã đi rồi à? Đã đi rồi! —
(hỏi **Phượng**) Còn thuốc nữa không?

Phượng — Trong siêu còn in ít thôi, à

Phác viên — Rót ra đây xem.

Phồn y — Tôi không thích uống cái thuốc đắng như thế.

Phác viên — (gắt bảo **Phượng**) Rót ra đây!
(**Phượng** chạy tới rót thuốc)

Xung — Ba, mẹ con không thích uống, ba ép làm gì?

Phác viên — Mẹ mày cũng như mày nốt, đau cũng không biết là đau! (nói khẽ với **Phồn y**)
Mẹ uống đi xem nào, có uống thuốc mới khỏi chứ! (nhìn thấy **Phượng** còn do dự, chỉ vào chén thuốc:) Bảo mày đưa chén thuốc lại cho bà mà!

Phồn y — Thôi được. Để đấy đã.

Phác viên — Không! Mẹ uống ngay đi là hơn.

Phồn y — **Phượng**! Mày cất đi cho tao!

Phác viên — (vẻ nghiêm nghị) Không!
Uống đi mà! Đừng trể con nữa: Chừng ấy tuổi đầu rồi, còn thơ ấu gì!

Phồn y — (Rung cả tiếng) Tôi không uống đâu!

Phác viên — **Xung**, mày đưa chén thuốc lại cho mẹ mày uống xem nào.

Xung — Ba!

Phác viên — (nhìn, giận dữ) Đưa tôi ngay!
(**Xung** phải bưng lấy chén thuốc đưa tới chỗ **Phồn y** ngồi).

Phác viên — Nói đi: Mời mẹ xơi thuốc!
Xem nào.

Xung — (cầm chén thuốc, tay rung, còn ngoảnh đầu lại, nói to) Ba, bà bắt ba phải...

Phác viên — (thét to) Tao bảo mày phải nói!

Bình — (đi đến chỗ **Xung**, ghé miệng nói nhỏ) Ba bảo thế nào, em làm thế ấy cho xong đi. Tính ba, em cũng biết chứ. (Còn nữa)

ĐẶNG THÁI MAI dịch

Chính thể dại nghị

(Tiếp theo trang 6)

Vì những lẽ ấy nên nhà lập hiến Trung Hoa tuy có công nhận những quyền trực-trị kể trên mà vẫn chưa giám đem thi hành ngay. Điều thứ 9 trong bản Kiến Quốc Đại Cương có nói rõ là trong những quyền ấy chỉ thi hành trong những huyện đã được « hoàn toàn tự-trị ». Thế nào là « hoàn toàn tự-trị »? Thi điều thứ 8 có định nghĩa rõ:

« Trong huấn chính thời kỳ, chính phủ phải những huấn huyện viên đã có hợp cách khảo thí đến các huyện, giúp nhân dân trừ bị cuộc tự-trị: khi đã điều tra rõ ràng nhân khẩu toàn huyện, trắc lượng xong xuôi thổ địa toàn hạt thỏa thiện sự cảnh vệ, chỉnh đốn đường xá dọc ngang, dân gian đã được huấn luyện sử dụng bốn quyền mà biết rõ nghĩa vụ làm dân và tuyên thệ chủ nghĩa cách mệnh được bầu huyện-quan để cầm quyền hành chính và tuyên cử nghị viện để lập pháp luật cho huyện, lúc đó mới bắt đầu gọi là một huyện hoàn toàn tự-trị ».

Vậy trong thời kỳ huấn chính nghĩa là lúc hiến pháp làm thời ban bố thi hành, thì những quyền trực-trị « Tuyên cử, bãi miễn, sáng chế và phúc quyết » chỉ có danh mà chưa có thực.

Thực quyền là ở tay Quốc-Dân-đảng, tạm thời đại diện toàn thể quốc dân chính quyền, cùng là hướng đạo và huấn luyện quốc dân để một ngày kia đủ tư cách mà sử dụng chính quyền. Đó là nội dung của chương III bản lâm thời ước pháp, nhan đề là « huấn chính cương lệnh » từ điều 28 đến điều 32.

Còn như quốc dân đảng có quyền đại diện quốc dân không, và đại diện bằng cách nào, đó là một vấn đề khác, mà ta sẽ có lúc phải xét tới. (xem một chương sau: Những nhu-cần hiện tại của nước Trung Hoa).

PHAN ANH

VIỆC CHUYỂN CHỖ THÓC GẠO

VU - DINH - HOE

**Việc chuyển chỗ thóc gạo từ nay được
tự-do trong miền Trung - châu và
Trung-du Bắc Kỳ**

Một thông-cáo của chính-phủ báo tin rằng theo Nghị-định của quan Thống-Sứ Bắc-kỳ ký ngày 31 Juillet 1944 thì bắt đầu từ 1er Août 1944 việc chuyển chỗ thóc gạo đã được tự-do trong các tỉnh thuộc miền Trung-châu và phía nam địa-giới các tỉnh Hải-dương, Bắc-giang, Thái-nguyên, Tuyên-quang Yên-báy và Sơn-la

Trước kia, việc chuyển chỗ thóc gạo từ tỉnh này sang tỉnh khác phải có giấy phép của quan-chức địa-phương. Sự kiểm-soát ấy, cần cho việc thu thóc của các điền chủ mọi nơi đã nhận bán cho chính-phủ. Song người ta đã nhận thấy nhiều sự bất bõ trái phép của những kẻ thừa-hành thiếu lương tâm đã ý vào sự kiểm-sát mà làm ngan trở việc buôn bán thóc gạo trong dân gian, và làm cho giá gạo ở nhiều nơi tự nhiên cao vọt. Vì vậy, sau khi gẫu cần mỗi quan chủ tỉnh phải bảo đảm số thóc nộp cho chính-phủ về vụ chiêm này ở địa-hạt mình (xem tờ Thông-tư ngày 19 Juin 1944 của Quan Thống-Sứ gửi cho các ông Công-Sứ, đăng trong Quan-báo Bắc-kỳ ngày 20 juillet 1944) quan Thống-Sứ đã ra nghị-định trên cho phép việc chuyển chỗ thóc gạo từ nay được tự-do trong các tỉnh thuộc miền Trung-châu và Trung-du Bắc-kỳ.

Nhưng việc chuyển chỗ thóc gạo vẫn còn phải có giấy phép từ miền Trung-châu và Trung-du vào các tỉnh Hải-dương, Bắc-giang, Thái-nguyên, Tuyên-quang, Yên-báy và Sơn-la, và từ những tỉnh này ra tới biên-thủy giáp với Trung Hoa và tới bờ biển. Nghĩa là việc chuyển chỗ thóc gạo không được tự-do trong miền Thượng-du và miền gần biển (zone maritime). Tờ thông-tư của quan Thống-Sứ ngày 19 juin lại nói rõ rằng các quan-chức địa-phương giúp giới với những tỉnh kể ở trên phải kiểm-sát nghiêm ngặt về số gạo tải lên Thượng-du và miền gần

biển không được quá số đã ấn-định là số cần dùng cho dân trong các miền ấy. Mục-đích của sự kiểm-sát này là ngăn cản sự chở thóc gạo ra ngoại-quốc.

Việc chuyển chỗ thóc gạo được tự-do sẽ có ngay một kết quả lợi cho người tiêu-thụ là giá gạo sẽ hạ được đôi phần và không có những lúc mà gạo ngay ngày mùa mà tự-nhiên bị khan hãn ở một nơi, cũng như nghị-định gần đây cho phép việc buôn bán chuyển chỗ các hàng vải dệt bằng sợi bông sản xuất trong xứ được tự-do, đã làm sụt hẳn giá vải ta (vải Thanh Hóa) trên các thị-trường.

Ta nên nhắc cả ở đây :

1.) nghị-định ngày 1er juin 1944 bãi sự bắt buộc các nhà giồng bông ở Bắc-kỳ phải bán số bông hái được cho « sở trống nom về các hàng dệt » (comptoir des textiles) và cho phép họ được hưởng tự-do tải cả hoa lợi hoặc để dệt hoặc bán đi, hoặc đổi bông lấy vải, trừ hai tỉnh Hòa Bình và Yên Bái mà một phần bông hái được phải bán cho nhà nước, 30 tấn ở Hòa Bình và 15 tấn ở Yên Bái ; ngoài số ấy các nhà giồng bông cũng được hưởng tự-do chỗ còn lại. (T. N. số 74)

2.) Nghị-định ngày 13 juin 1944 cho phép được tự-do việc buôn bán, chuyển chỗ, và biến chế sợi gai trong địa-hạt Bắc-kỳ, trừ mấy tỉnh Hòa Bình, Sơn La và Lai Châu mà tất cả số gai sản-xuất được phải bán cho các nhà đi thu gai có giấy của « Sở trống nom về các hàng dệt ».

Những nghị-định này, cũng như mấy nghị-định trên cùng có một kết-quả quý báu là mở rộng sự tự-do cho việc buôn bán hai thứ hàng cần thiết cho đời sống là gạo và vải (vải ta). Sự mở rộng này tất nhiên có lợi cho người sản xuất vì hàng dễ bán, nhiều khi bán được giá cao ; — nó lại còn có lợi cho đa số người tiêu thụ vì sự mua được dễ dàng, nhiều khi được mua giá hạ bởi lẽ hàng mua bán không phải qua tay bọn trung gian quấy nhiễu lợi dụng sự kiểm-sát để « ăn chặn » của người sản xuất và « bóp họng » đa số người tiêu thụ.

VIEC QUOC TE

(Tiếp theo trang 2)

Tây-Nam. Lại có tin quân Đức đã rút lui khỏi miền Tây-Nam Pháp trên vịnh Gascogne.

— *Tại Mỹ*, một hội-nghị lớn giữa Anh, Mỹ, Nga đã bắt đầu họp để tổ-chức sự hợp tác giữa các nước Đồng-minh và những điều-kiện giữ cuộc hòa-bình cho thế-giới sau này.

— *Tại Pháp*, theo bản thông-cáo của Chinn - phủ Đông-Dương (28-8) có nhĩ quốc-trưởng Pétain đã bị quân Đức bắt tại Vichy giải về phía Belfort.

— *Tại Đông Dương*, vì sự liên-lạc giữa Pháp và xứ này bị gián đoạn nên quan Toàn quyền Decoux đã ban hành đạo luật ngày 18 Février 1943 cho phép quan Toàn quyền được rộng quyền để quyết-định những việc xưa nay vẫn do Chỉnh phủ trung ương chuẩn-y (Thông cáo 20-8)

Một hội nghị các vị thủ-biễn ở Đông dương đã bắt đầu họp ở Dalat ngày 23 Aoút và Hội-nghị tối cao Đông-dương họp ngày 26 Aoút để bàn về những vấn đề quan-trọng trước tình-hình quốc-tế hiện-thời.

B. B. D.

CẢI CHÍNH

Trong bài « Nguyễn gia Tri » số 79, câu ; « Giữa một cảnh lộng lẫy, thiếu nữ đó đã tung bưng đi ra cùng một thiếu nữ bạn, mặc áo sẫm xanh », đã bỏ sót những chữ : « một thiếu nữ bạn ».

SÁCH MỚI

Chúng tôi nhận được :

— *Nouvelle traduction frse. du Kim Vân Kiều*, của M. R. do Thir-xa Alexandre de Rhodes xuất-bản. Một bản dịch tác-phẩm bất hủ của Nguyễn-Du, có đặc điểm là không dịch sát nghĩa như bản dịch Nguyễn văn Vĩnh, nhưng cốt ý lột hết cái đẹp tế-nhị của câu văn Việt-Nam.

— *Những sự gặp gỡ của Đông-phương và Tây-phương trong ngôn-ngữ và văn-chương* của Vũ bội Liêu, do nhà Tân-Việt-xuất bản, Sách dày 268 trang, giá 6300. Một thiên khảo cứu công phu về những sự gặp gỡ bất ngờ và kỳ thú trong văn-chương Pháp và Nam. từ lối đối-ngẫu, tỉ-lệ, điệp-ngữ, nhân-cách hóa, sự dùng hình ảnh đến cả nghệ thuật rong thơ cùng những cách trào phúng và hài hước...

Xin thành thực cảm ơn các nhà gửi tặng và giới thiệu cùng bạn đọc.

MẤY LỜI CẢM ƠN

Nhân dịp các hội Tri Thề-Dục và Tỉnh-chi-hội T. B. Q. N. ở Thái-bình và Lang-sơn mời tôi diễn-thuyết ngày 18 Aoút và 22 Aoút vừa rồi, chúng tôi được gặp gỡ ở hai nơi ấy nhiều bạn, tuy trong buổi sơ kiến, mà đã nhiều cảm tình khăng khít. Sự tiếp đãi thân mật của các bạn cùng những câu chuyện tâm sự để lại trong ký ức chúng tôi những kỷ niệm tốt đẹp và bền bỉ.

Tiền đây, xin có nhời trân trọng thành thực cảm tạ các bạn và mong rồi đây sẽ còn nhiều lần lai ngộ.

Vũ đình Hòe — Đỗ đức Dục

Trong số 9 Septembre 1944

- Sáng tác và biên khảo
- Tổ chức kinh tế ở nước Đức
- Nhận xét về dân quê
- Ảnh hưởng khí-hậu với công việc trí-não
- (Bạn gái viết) Vài cảm tưởng về Hoa và Bé
- Danh văn ngoại-quốc : Rừng gia đình — G. K Chesterton
- Sự Ta so với sự Tàu
- Vong ngộ đồng
- Lối vũ (Bi kịch)
- Điều tra về đồn điền: Một đồn điền lớn để hỏng vì thiếu sự trông nom

TUẾ THUY
ĐỖ ĐỨC DỤC
TÂN PHONG
A. A. dịch
NGUYỄN THỊ THUẦN
THAI MẠC dịch
Ứng-hòe NGUYỄN VĂN TỐ
NGUYỄN TUÂN
ĐẶNG THÁI MẠC dịch

V. H'

NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI
— 214, Hàng Bông, Hanoi —

SÁCH MỚI

HOANG DAO THUY
NGHE THAY

Nghệ thuật làm thầy, làm cha mẹ, làm huynh trưởng. Kim chỉ Nam của tất cả những bậc phụ huynh lo lắng vì việc giáo dục thiếu niên.

190 trang — Giá 3\$00

CÒN RẤT ÍT

VANG BÓNG MỘT THỜI

(NGUYỄN TUÂN) 5\$00

NGẬM NGÃI TÌM TRẦM

(THANH TỊNH) 2\$00

ĐANG IN

HƠI THỞ TÀN (NGUYỄN HỒNG)

TRƯỜNG CA (XUÂN DIỆU)

LỖ TẮN (ĐẶNG THÁI MAI)

NHÀ SÁCH LỬA HỒNG — NHÀ SÁCH LỬA BỒNG

ĐÃ PHÁT HÀNH

DÒNG VỌNG
IV

— Tập bài hát lịch sử và thanh niên của Hoàng Quý, Lưu hữu Phước, Nguyễn thành Nguyên, Mai văn Bộ, Văn Cao

Giấy thượng hạng Giá 1\$00

SỨC SỐNG DÂN VIỆT-NAM

— Ba cuộc nói chuyện của Đảng cộng sản Việt Nam: Tố, Dương đức Hiền, Nguyễn đình Thi trong Tổng Hội Sinh Viên. Giá 1\$50

ĐÓN MUA

ĐÓN MUA

DÒNG VỌNG I, II, III

(in lần thứ hai)

NGUYỄN HỮU BÌNH — 92, Sinh-tử, — Hanoi

TRUNG DUNG

[mới xuất bản]

là một bộ sách, có thể nói, gồm hết cả cá tính và cả triết lý Khổng giáo. Đọc

TRUNG DUNG

mà nhận xét cho kỹ, và theo cho đúng, thì dấu không thành được bậc thánh hiền ít ra cũng học được, cái cách để làm người quân tử

TRUNG DUNG

là cái bùa hộ mệnh cho hết thầy mọi người đương băn khoăn, ngơ ngác không biết xử hưởng về một lý tưởng nào ở đời cho chắc

TRUNG DUNG

nghĩa-lý rất uẩn, ý-từ rất siêu-việt, người mới học, khó mà hiểu hết được nên ông Phan-Khoang (tác-gia cuốn Trung Quốc Sử Luận) ngoài việc dịch âm, dịch nghĩa lại còn nương theo lời chú của các tiên nho mà giảng giải cho thật rõ ràng.

(có in cả nguyên văn chữ Hán)

hạng giấy bán thường 2\$00 (cước 0\$47)

Thư và ngân phiếu gửi về

NHÀ IN MAI-LINH — HANOI

ĐÃ (Ó) BÁN : của NGUYỄN KHẮC MÃN

DÒNG TIỀN HAI MẶT

truyện thật rất cảm động một người không làm « chợ đen » chỉ có bốn hào mà cũng làm nên được bạc vạn Giá 2\$50

HẠNH NAM QUAN

đoạn lịch sử lâm ly lúc hai cha con Nguyễn Trãi từ biệt nhau ở ải Nam Quan Giá 1\$50

IN GẦN XONG

LÒNG CHA

ngót 500 trang in làm hai quyển, tiểu thuyết gia đình giáo dục mà tất cả những người làm cha đều cần phải đọc.

CÒN MỘT ÍT

THƠ ; TRẺ THƠ của NG. ĐỨC CHÍNH
Giá mỗi quyển 1\$50

TARZAN NGƯỜI KHỈ của TỰ CƯỜNG
Giá 3\$25

NGƯỜI BỐN PHƯƠNG xuất bản

Giám-đốc : ĐỖ XUÂN GIỮNG

6, Đường Thành — Hà-nội — Giấy nói : 212